

CHƯƠNG 4 : SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TƯ TƯỞNG QUÂN SỰ TRONG THỜI KỲ ĐẦU CỦA NỀN CỘNG HÒA

1. TÌNH TRẠNG QUÂN PHIỆT VÀ SỰ THOÁI BỘ CỦA HIỆN ĐẠI HÓA QUÂN SỰ

Công cuộc hiện đại hóa quân sự đã gặp phải những thoái bộ nhất thời sau cuộc Cách Mạng Tân Hợi 1911.

Trong giai đoạn cuối của thời kỳ Từ Hi cai trị, Viên Thế Khải đã quá quyền uy khiến ông ta bị một số người trong hoàng tộc và quan lại cao cấp nghi ngờ thù ghét. Dẫu rằng Viên Thế Khải đã tự nguyện giao lại một phần quyền hành cho hoàng gia nhưng ông ta vẫn bị cách hết chức tước ngay khi Thái Hậu Từ Hi vừa tạ thế.

Vua Quang Tự (Guangxu) và Thái Hậu Từ Hi (Ci-xi) chỉ chết cách nhau hai ngày vào giữa tháng 11 năm 1908. Cháu của vua Quang Tự mới ba tuổi lên nối ngôi lấy niên hiệu là Tuyên Thống (Xuanton). Cha của Tuyên Thống là hoàng tử Tải Phong (Zaifeng) nhiếp chính, giữ hết mọi quyền bính. Nhiếp chính vương giận Viên Thế Khải đã phản anh mình (tức vua Quang Tự) trong việc tranh chấp quyền hành giữa Từ Hi và Quang Tự và cái gọi là cuộc Duy Tân Trăm Ngày (Bách Nhật Tân Chính) năm 1898 nên định giết Viên Thế Khải. Nhờ có các đại thần can ngăn mà họ Viên mới khỏi chết. Viên Thế Khải bị đuổi về quê nhưng vẫn ngầm liên lạc với các sĩ quan trước đây dưới quyền. Khi ông ta quay trở lại chính trường, triều đình Mãn Châu phải bắt buộc giao quyền lại cho Viên Thế Khải và loạn sứ quân bắt đầu.

A. Nguồn gốc của cuộc Cách Mạng Trung Hoa hiện đại

Kể từ khi Trung Hoa bị đánh bại trong trận chiến tranh nha phiến, chế độ Mãn Châu bị liên tiếp loạn lạc do nông dân nổi

dậy, và càng nhiều trong những năm cuối của triều đại này. Hưng Trung Hội (Xingzhonghui), tiền thân của Quốc Dân Đảng (Guomindang) thành lập năm 1894 sau chiến bại nhục nhã của Trung Hoa trong trận chiến Trung - Nhật và thực hiện cuộc khởi nghĩa đầu tiên năm 1895. Trong vô số những phong trào hồi đó, Hưng Trung Hội không phải là đoàn thể mạnh nhất lúc ban đầu nhưng lại là tổ chức cách mạng về sau thành công nhất và dần dần lật đổ được nhà Thanh.

Hưng Trung Hội đầu tiên do các thành phần sĩ phu cấp tiến của Trung Hoa tổ chức, và thoát kỳ tủy thành lập bên ngoài nước Tàu. Việc đó không những khiến cho họ được các Hoa kiều hải ngoại và người Tây Phương ủng hộ, mà còn khởi bị nhà Thanh đàn áp chính trị khi còn quá yếu không chống nổi với kẻ thù.

Vì thành phần sáng lập đều là sĩ phu nên họ dễ dàng đưa ra được một chương trình lôi kéo được sự ủng hộ của quần chúng Trung Hoa. Những vụ nông dân nổi dậy mà không có trí thức lãnh đạo thường bị khuyết điểm là không đưa ra được một mục tiêu đường dài và tổ chức không thích đáng. Họ thường nổi dậy vì đói kém hoặc kinh tế khó khăn nên hay ngả về các mục tiêu kinh tế. Khi tình trạng sinh sống đã cải thiện, sự ủng hộ các phong trào này nhạt dần. Các chương trình chính trị mạnh mẽ chỉ có thể có khi các phong trào này được lãnh đạo hay có sự tham gia của trí thức là những người có khả năng chính trị.

Hơn nữa, hầu hết các lãnh tụ Hưng Trung Hội đều không phải gốc quân nhân mà là những người tổ chức và xách động giỏi. Điều đó khiến họ có thể chỉ đạo nổi dậy và chiến đấu mà không cần phải đích thân tham dự, giảm thiểu mức hi sinh các nhân vật đầu não và vẫn có thể tiếp tục đấu tranh sau nhiều lần bị đánh bại. Các lãnh tụ nông dân trái lại là chiến sĩ thường trực tiếp tham dự trận mạc. Cuộc nổi dậy thường dứt ngang khi cấp chỉ huy bị giết tại trận tiền. Trước khi thành công vào tháng 10 năm 1911, Hưng Trung Hội đã 10 lần thất bại nhưng tổ chức cách mạng không bị tiêu diệt.

Vì tính chất tổ chức như thế, Hưng Trung Hội và sau này là Đồng Minh Hội (Tongmonhui) đã chứng tỏ được hai tính chất độc đáo trong các chiến dịch cách mạng chống lại Thanh triều. Trước hết, họ có liên hệ chặt chẽ với những người Trung Hoa trong các bang hội bí mật chống người Mãn Châu trong giai đoạn đầu mới nổi dậy. Từ khi người Mãn Châu chinh phục trung nguyên hồi thế kỷ 17, nhiều thần tử của nhà Minh trước đây đã lui vào tổ chức các hội kín lẫn với nông dân và thợ thuyền. Đến cuối thế kỷ 19, mặc dầu hầu hết đã mất các sinh mệnh chính trị, nhưng vẫn sống ngoài vòng kiểm tỏa của nhà Thanh, nhất là những người định cư ở Hongkong hay trong các cộng đồng Hoa kiều hải ngoại.

Khi Đồng Minh Hội bắt đầu các hoạt động bài Mãn, họ vận động được sự ủng hộ của những nhóm này một cách dễ dàng. Người ta bảo rằng trong cuộc khởi nghĩa lần đầu tiên của Hưng Trung Hội năm 1895, có đến 3000 người gốc là hội viên của Tam Hợp Hội (Sanhehui) ở Hongkong. Khi chuẩn bị khởi nghĩa lần thứ hai, Hưng Trung Hội hợp nhất với Tam Hợp Hội và Ca Lão Hội (Gelaohui) thành Hưng Hán Hội (Xinghanhui). Chủ tịch là Bác Sĩ Tôn Dật Tiên hồi năm 1899. Những hội kín có thể có tinh thần yêu nước nhưng vốn dĩ phi chính trị. Vì thế sau khi nhà Thanh bị lật đổ, họ biến mất ngay khỏi chính trường và không bao giờ đóng một vai trò gì đáng kể trong thời kỳ hậu cách mạng.

Thứ hai, trong giai đoạn sau của cách mạng, Đồng Minh Hội, hậu thân của Hưng Trung Hội, chủ yếu dựa vào sự ủng hộ của binh sĩ và các sĩ quan trẻ của quân đội Thanh triều trong các cuộc khởi nghĩa vũ trang. Như đã viết trong chương trước, sau khi Viên Thế Khải được chỉ định huấn luyện tân quân ở Tiểu Trám, triều đình cũng ra lệnh cho mỗi tỉnh phải tổ chức một hoặc hai trấn hoặc tái tổ chức những đơn vị cũ theo hình thức quân đội mới. Mặc dầu các đơn vị tân quân phát triển mạnh nhưng cũng vẫn còn nhiều đơn vị cũ trong thời kỳ tiền cách mạng. Hai hệ thống song song khiến tình trạng thêm phức tạp và tạo những xung đột trầm trọng trong quân đội Thanh triều. Nhưng cũng nhờ

thế mà các đảng cách mạng có một cơ hội bằng vàng để tuyển thêm người ngay trong các binh đội nhất là những sĩ quan và binh sĩ trẻ có tinh thần yêu nước. Sự phát triển đó đóng góp rất nhiều cho lực lượng cách mạng trong những lần khởi nghĩa sau cùng. Dù Đồng Minh Hội không hoàn toàn ủng hộ họ vẫn tự mình thực hiện một số cuộc binh biến. Ngay cả cuộc nổi dậy sau cùng ngày 10 tháng 10 năm 1911 ở Vũ Xương (Wuchang) cũng toàn là do các sĩ quan Thanh quân lãnh đạo. Mãi sau các lãnh tụ cách mạng mới tiếp nhiệm quyền chỉ huy.

Trong khi các bang hội bí mật rút ngay ra khỏi các hoạt động chính trị sau năm 1911, các lực lượng quân sự thân cách mạng lại không đủ lớn mạnh chống lại với Bắc Dương Quân của Viên Thế Khải. Hơn nữa, một số các sĩ quan tinh thần cách mạng chưa đủ cao nên khi triều đại nhà Thanh vừa dứt, dưới sự thao túng của viên, nhiều người nhảy vào tham gia các trận chiến giữa các quân phiệt để mưu đồ riêng. Tình thế đó khiến cho Quốc Dân Đảng không biết dựa vào đâu để củng cố quyền lực và thống nhất đất nước sau khi cách mạng và cũng khiến cho tình hình chính trị của Trung Hoa thêm phân hóa, kéo dài thời kỳ sứ quân.

B. Bối cảnh Lịch Sử của thời kỳ Quân Phiệt tại Trung Hoa

Trong chương 2, chúng tôi đã trích từ sách của Lôi Bá Luân là Trung Hoa là một quốc gia không có quân nhân. Ông thường so sánh người binh sĩ Trung hoa với kẻ cướp. Theo ông, từ khi hệ thống dân quân sụp đổ dưới đời Hán, nước Tàu không còn những binh sĩ đúng nghĩa. Quân lính thường tuyển trong đám vô lại, ăn cướp, du thủ du thực và chỉ trung thành với viên tướng nào trị nổi họ. Quân đội không còn là của quốc gia mà là một lực lượng thuộc về cá nhân. Khi đất nước thanh bình và nhà vua có thể trả lương hậu hĩ thì binh lính còn trung thành. Nếu không được như thế, hay khi quốc gia rối loạn, một vài viên tướng nhiều tham vọng sẽ thừa cơ chiếm lấy ngai vàng lập ra triều đại riêng cho mình. Các tướng khác thành kẻ cướp. Đất nước chỉ hết loạn khi một trong những tướng lãnh đang tranh giành quyền bính thống nhất được giang sơn. Tiến trình đó nhiều khi kéo dài

cả mấy chục năm. Những thời như thế thì xã hội tan nát, các sinh hoạt kinh tế và văn hóa bị ngưng lại. Nhiều khi, loạn lạc không những chặn đứng phát triển xã hội mà còn phá hủy cả những công trình có sẵn gây ra tình trạng thoái hóa. Tình trạng nước Tàu vào thập niên 1920 là một thời kỳ điển hình những gì Lôi Bá Luân mô tả. Quân phiệt tranh giành không chỉ nhất thời làm hỏng cách mạng và đất nước mà còn tổn hại cả công cuộc hiện đại hóa quân sự vốn dĩ là ưu tiên số một của quốc gia trong hơn nửa thế kỷ qua.

Dưới thời nhà Thanh, khi Tăng Quốc Phiên bắt đầu tổ chức Tương Quân thì các Kỳ Binh vẫn còn do trung ương nắm giữ. Không theo truyền thống Mãn Châu là tập trung lực lượng quân sự, ông thành lập một lực lượng địa phương dựa trên nguyên tắc cá nhân kiểm soát. Lý Hồng Chương và Viên Thế Khải cũng đi theo phương thức này khi họ huấn luyện quân đội riêng của họ. Các học giả gọi các lực lượng này là quân địa phương để phân biệt với quân lực quốc gia do trung ương kiểm soát.

Khi Viên Thế Khải được giao cho nhiệm vụ huấn luyện tân quân ở Trực Lệ, Trương Chi Động (Zhang Zhidong), Tổng Đốc Hồ-Quảng, cũng bắt đầu huấn luyện quân đội riêng ở Hồ Bắc, thường được gọi bằng ba tên : Tự Cường Quân (Ziqiangjun), Nam Dương Quân (Nanyangjun) và An Quân (Anjun). Là những đơn vị thiện chiến nhất Nam Trung Hoa, Tự Cường Quân nổi tiếng chẳng kém gì Bắc Dương Quân trên miền Bắc. Hải lòng với những thành quả xây dựng quân đội đó, triều Thanh vội vã quyết định mở rộng tân quân ra tới 36 Trấn (sư đoàn). Để sớm thành tựu, năm 1901, triều đình ra lệnh chính thức là các quan lại tỉnh thị phải thành lập các đội quân riêng theo mẫu Bắc Dương Quân hay Tự Cường Quân. Đến năm 1906, triều đình lại ra đạo dụ bắt buộc ngân sách dành cho quân sự mỗi tỉnh phải tối thiểu là 20% tổng số. Mặc dầu mục tiêu 36 trấn không đạt được nhưng quân lực của địa phương cũng bành trướng lớn. Việc gia tăng khả năng quân sự cho các viên chức địa phương đã đặt nền móng cho chiến tranh quân phiệt sau này và chứng minh rằng thuyết triều nọ thay triều kia của Lôi Bá Luân là đúng.

C. Loạn Quân Phiệt và sự Thoái Bộ của Hiện đại hóa Quân sự Trung Hoa

Sau khi quân cách mạng chiếm Vũ Xương vào ngày 10 tháng 10 năm 1911, Thanh triều lập tức sai Phùng Quốc Chương (Pheng Guozhang) và Đoàn Kỳ Thụy (Duan Kirui) đem quân tới dẹp loạn. Cả Phùng lẫn Đoàn đều là bộ tướng của Viên Thế Khải trước đây và vẫn có liên lạc chặt chẽ với chủ cũ. Theo lời xui của Viên Thế Khải, hai tướng này cố tình trì hoãn việc tiến binh. Thành ra, Thanh triều bắt buộc phải xuống chiếu mời Viên ra chỉ huy việc đem quân đánh giặc.

Nếu cố tình Viên Thế Khải có thể dẹp tan cuộc cách mạng Vũ Xương không mấy khó khăn. Thế nhưng Viên hận triều đình bãi chức ông ta hai năm trước nên lòng không còn muốn giúp nhà Thanh và muốn lật đổ chế độ để tự mình lên làm vua. Sau mấy tuần thương lượng, Viên Thế Khải đạt được thỏa hiệp của phe cách mạng cùng nhau phế bỏ triều đại Mãn Thanh. Ông ta được cử làm Tổng Thống Lâm Thời của Cộng Hòa Trung Hoa vào tháng 2 năm 1912 và hứa sẽ ủng hộ chế độ cộng hòa.

Việc nhận lời làm tổng thống chỉ là bước đầu trong tham vọng chính trị của Viên Thế Khải. Ông ta không ưa gì nền Cộng Hòa mà cũng không thích chức hư vị hình thức làm việc dưới quyền một hệ thống nghị viện do những nhà cách mạng đưa ra ở Nam Kinh ngày 11 tháng 3 năm 1912. Viên Thế Khải không muốn bị quốc hội hay nội các hạn chế quyền hành của mình. Vì thế, ngay từ giờ phút đầu tiên giữa Viên và chính phủ cách mạng đã có những bất đồng không thể hàn gắn được.

Vào đầu năm 1913, đảng Quốc Dân Trung Hoa mới thành lập bằng cách sáp nhập một số đoàn thể chính trị vào Đồng Minh Hội, đạt được đa số ghế trong một kỳ bầu cử thượng viện. Tống Giáo Nhân (Song Jiaoren), một người hăng say ủng hộ chế độ nghị viện và hiện là lãnh tụ của Đảng, có thể sẽ được chọn làm Thủ Tướng. Tuy nhiên Tống Giáo Nhân bị ám sát tại Thượng Hải khi ông sắp đi Bắc Kinh ngày 20 tháng 3 năm 1913. Khi bị khám phá ra chính là người chủ mưu vụ ám sát, Viên Thế

Khải không còn cách nào hơn là dùng lực lượng để đàn áp cách mạng. Quốc Dân Đảng phải bắt buộc chống lại vào tháng 7 năm 1913. Người ta gọi đây là Cuộc Cách Mạng lần thứ hai.

Sau khi Bắc Dương Quân đánh bại được các lực lượng võ trang ủng hộ Quốc Dân Đảng, Viên Thế Khải loại trừ tất cả các cấp chỉ huy thân cách mạng ra khỏi các chính quyền trung ương cũng như địa phương, giải tán Nghị Hội và đặt Quốc Dân Đảng ra ngoài vòng pháp luật để dọn đường cho ông ta lên ngôi hoàng đế. Từ 1914 đến cuối năm 1915, Viên dùng đủ mọi cách để vận động quần chúng và thúc đẩy việc đòi hỏi tái lập đế chế. Dưới sự đe dọa, Quốc Hội bỏ phiếu hoàn toàn tán thành việc ủng hộ ông ta lên ngôi Trung Hoa Đế Quốc (Zhonghua Diguo) vào cuối tháng 11 năm 1915. Viên Thế Khải dự định sẽ đăng quang lên ngôi cửu ngũ vào đầu năm 1916.

Thế nhưng ông ta đã đánh giá sai quần chúng, không biết rằng toàn thể nhân dân Trung Hoa đã được cách mạng vận động để hủy bỏ chế độ quân chủ. Ngày 25 tháng 12 năm 1915, Sái Ngạc (Cai E)(tức Sái Tùng Pha), một hội viên của Đồng Minh Hội và cũng là một tướng lãnh lỗi lạc, tuyên bố tỉnh Vân Nam độc lập và tổ chức một lực lượng chinh phạt họ Viên. Hành động ly khai đó sau này gọi là Hộ Quốc Chiến Tranh (Huguo Zhanzeng). Mặc dầu lực lượng của Sái Ngạc không đủ sức lật đổ Viên Thế Khải nhưng hành động quả cảm đó được nhiều cấp chỉ huy các tỉnh khác hưởng ứng, trong đó có cả một số tay chân thân tín của Viên. Sau cùng Viên Thế Khải phải bắt buộc bãi bỏ hệ thống quân chủ ngày 22 tháng 3 năm 1916. Sự thất bại bất ngờ đó khiến cho ông ta suy nhược cả tinh thần lẫn thể xác nên 3 tháng sau thì chết.

Như đã đề cập trước đây, Viên Thế Khải coi Bắc Dương Quân như một quân đội riêng và huấn luyện họ chỉ trung thành với ông ta mà thôi. Sau khi ông ta từ trần, không ai có thể chỉ huy đoàn quân này như ông ta được nữa. Những lãnh tụ hạng nhì như Phùng Quốc Chương hay Đoàn Kỳ Thụy bắt đầu tự xây dựng một quân đội riêng cho mình. Phùng lãnh đạo phe Trực

Lệ, Đoàn lãnh đạo phe An Phúc (Anfu). Theo chân hai người, các cấp chỉ huy quân sự cấp nhỏ hơn tại địa phương hoặc cùng phe, hoặc khác phe Bắc Dương cũng bành trướng lực lượng thành lập những quân đội riêng.

Nhiều cấp chỉ huy quân sự trong các tỉnh tây nam, hoặc trước đây có chân trong Đồng Minh Hội, hoặc có tham gia khởi nghĩa năm 1911, nay cũng mất hết tinh thần cách mạng. Họ không những đi theo các quân phiệt để tìm danh lợi mà còn có khi quay súng chống lại đảng cách mạng và các lãnh tụ nữa. Những người như Sầm Xuân Huyền (Ken Chunxuan), Đường Kế Nghiêu (Tang Jiyao), Lục Vinh Đình (Lu Rongting), Mạc Sùng Tân (Mo Rongxin) và Trần Quýnh Minh (Chen Jiongmíng) phản Tôn Dật Tiên, lúc ấy là Tổng Tư Lệnh quân đội bảo vệ Hiến pháp lâm thời 1918, cùng nhau thỏa ước đình chiến với Bắc Dương quân khiến cho Tôn Văn không biết nương tựa vào đâu. Trần Quýnh Minh lại còn đảo chính chống lại Tôn Văn ở Quảng Châu, ném bom vào tư thất của ông khiến Tôn Văn phải chạy ra một chiếc chiến thuyền để lánh nạn.

Từ năm 1916 là khi Viên Thế Khải chết đến năm 1922 là năm Tôn Văn phải từ bỏ chiến dịch Bắc Phạt, không biết bao nhiêu trận đánh đã xảy ra giữa các quân phiệt. Họ chia nước Tàu thành nhiều khu độc lập theo chính sách cai trị bằng súng đạn. Trung Hoa rơi vào một tình trạng hết sức hỗn loạn và đen tối và càng ngày càng xuống dốc cho đến khi Tưởng Giới Thạch hành quân Bắc Phạt đánh bại các sứ quân và thống nhất nước Tàu trên danh nghĩa vào năm 1930.

Quân lính và súng đạn trong thời kỳ chiến tranh dai dẳng này nhiều hơn triều đại nhà Thanh nhưng theo nghĩa hiện đại hóa quân sự thì không tư tưởng mới mẻ nào được khai triển ngoại trừ việc kêu gọi tiết giảm quyền hành của các quân phiệt và giải giới quân đội. Hầu hết các quân sự gia đều bận chinh chiến và tranh giành quyền lực và trở nên hủ nát. Họ không ngần ngại giết những ai không theo họ nhưng chính họ thì lại chẳng trung thành với ai. Lưỡng gạt và phản trắc là chuyện

thường tình trong đám này. Mặc dầu luôn luôn đánh lẫn nhau nhưng không sử quân nào quan tâm đến vấn đề huấn luyện quân đội, học hỏi chiến thuật chiến lược. Thực ra không có lực lượng quân sự mà chỉ có những băng đảng võ trang. Khi Quốc Dân Đảng thống lĩnh được các lực lượng này đưa ra chiến trường chống với du kích Cộng Sản và quân Nhật mà không huấn luyện thích đáng, nhiều đơn vị bị đánh bại dễ dàng.

2. CÁC ĐÒI HỎI CẢI CÁCH QUÂN SỰ TRONG THỜI KỲ ĐẦU CỦA NỀN CỘNG HÒA

Trong thời quân phiệt, một số lãnh tụ kêu gọi tài giảm của các lực lượng địa phương và tiến hành cải cách quân sự. Cũng có người bàn về việc chuẩn bị chiến đấu vì tình hình sẽ không sao tránh khỏi việc đụng độ với quân Nhật. Vào cuối thập niên 1930, khi cuộc Nội Chiến giữa Quốc Dân Đảng và Cộng Sản xảy ra, các tư tưởng quân sự của Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch bắt đầu hình thành. Cả Mao lẫn Tưởng đều thống lĩnh quân đội hiện đại của Trung Hoa và chính đàn trong suốt nửa thế kỷ. Các lý thuyết quân sự của họ đã được những cấp dưới tôn sùng và là những dòng tư tưởng chính nên sẽ được phân tích riêng trong những chương sau. Trong chương này chúng tôi chỉ bàn về ý kiến của Lê Nguyên Hồng (Li Yuanhong), Sái Ngạc (Cai E), Hoàng Hưng (Huang Xing), Bác Sĩ Tôn Dật Tiên và Tưởng Bách Lý (Jiang Baili) là những người đóng góp ít nhiều và sự hình thành của tư tưởng quân sự Trung Hoa hiện đại.

A. Đề Nghị Tước Giảm Binh Quyền của Lê Nguyên Hồng

Lê Nguyên Hồng là lữ đoàn trưởng (hiệp trưởng) của quân nhà Thanh đóng ở Vũ Xương, tỉnh Hồ Nam trong thời kỳ tiền cách mạng 1911. Ông được một số sĩ quan trẻ vốn đã gia nhập Đồng Minh Hội tôn lên làm Đô Đốc để chỉ huy cuộc khởi nghĩa. Mặc dầu ông không phải là đảng viên cách mạng hay cảm tình viên nhưng ông là một cấp chỉ huy được nhiều người kính trọng trong vùng. Vì thế khi loạn quân cần một nhân vật uy tín làm thủ lĩnh, ông là người duy nhất có thể chọn.

Vì vai trò lãnh đạo trong thời kỳ đầu cách mạng Tân Hợi, về sau ông được chọn làm Phó Tổng Thống Lâm Thời đầu tiên của Cộng hòa Trung Hoa (Bác Sĩ Tôn Dật Tiên là Tổng Thống Lâm Thời đầu tiên) và trở nên một khuôn mặt chính trị sáng giá trong thập niên sau đó. Ông sau lại được bầu làm Phó Tổng Thống trong thời kỳ Viên Thế Khải làm Tổng Thống và kế nhiệm Tổng Thống hai lần trong thời hậu Viên khi có loạn sứ quân.

Sự liên hệ của ông với Viên Thế Khải những năm sau đã làm hỏng tình giao hảo của ông với các đoàn thể cách mạng. Tuy nhiên vì ông từ chối không ủng hộ Viên phục hồi đế chế nên cũng giữ lại được phần nào thanh danh là một lãnh tụ đã đóng một vai trò quan trọng trong việc thành lập nền Cộng Hòa.

a/ Sự tách rời quân sự và dân sự : Mặc dầu nhiều sử gai cận kim đồng hóa ông với quân phiệt nhưng Lê Nguyên Hồng khác hẳn các sứ quân khác vì ông tích cực đưa ra một chính sách tước bớt quyền của các võ quan địa phương và nhất định đòi tách rời quân sự với dân chính. Ông đưa ra chủ trương đó từ đầu của nền cộng hòa cho đến khi ông rút lui khỏi chính trường năm 1923. Các điểm chính được giải thích cặn kẽ trong điện văn dài nổi tiếng của ông gửi Viên Thế Khải ngày 10 tháng 4 năm 1912. Những điểm đó Viên Thế Khải tóm tắt thành "mười điều hại" và "ba điều không". Mười điều hại nói về những tác hại cho xã hội và quốc gia nếu để quyền hành quân sự lấn dân sự cho một người, Đô Đốc (Dudu) hay Đốc Quân (Dujun), còn ba điều không nói về các ảnh hưởng tiêu cực nếu để tất cả các quyền đó trong tay viên chỉ huy quân sự tỉnh.

Mười điều hại có thể tóm tắt thành 4 điểm :

- Thứ nhất, cả quân sự lẫn hành chánh đều đòi hỏi chuyên môn. Khó có thể kiêm người thông thạo cả hai mặt và hành chánh địa phương do đó sẽ bị hư hỏng.

- Thứ hai, nếu đặt quốc gia dưới quyền quản trị của quân đội, thiết quân luật sẽ được dùng đến và dân chúng sẽ bị nguy hiểm về nạn các chỉ huy quân sự lạm dụng quyền hành.

- Thứ ba, cuộc tranh giành quyền lực giữa các sứ quân địa phương sẽ đưa đến giao chiến gây thêm khổ cho dân.

- Thứ tư, các lãnh tụ địa phương bành trướng quyền lực sẽ khiến họ không chịu tuân lệnh trung ương để thêm độc lập và kết quả là đất nước sẽ bị chia thành nhiều mảnh bởi các sứ quân như đời Chu và đời Đường.

Còn ba điều không, hay ba ảnh hưởng tiêu cực của nạn sứ quân cát cứ có quân đội xuống cấp. thể tóm tắt như sau :

- Trước hết, các sứ quân sẽ gây ra nạn tham nhũng trong quân đội và làm thương tổn đến tinh thần binh sĩ.

- Thứ hai, quân nhân sẽ coi thường kỷ luật và luật pháp sẽ làm cho cơ chế

- Thứ ba, binh sĩ sẽ không còn tinh thần trách nhiệm và lơ là trong nhiệm vụ.

Ông cũng cho rằng đời sống sa đọa của binh lính đã làm họ không màng đến chuyện luyện tập, không biết gì về chiến thuật chiến lược. Nếu có chiến tranh, họ không đủ sức bảo vệ tổ quốc và nhân dân.

Vì các lý do đó, Lê Nguyên Hồng đề nghị rằng các Đô Đốc hay Đốc Quân phải bị hạn chế quyền hành, để các việc không thuộc lãnh vực quân sự cho các cấp chỉ huy dân chính. Có như thế, các cấp chỉ huy quân đội mới tập trung vào nhiệm vụ quân sự. Để chứng tỏ sự thành tâm, ông đích thân từ nhiệm các chức vụ dân sự và yêu cầu hội đồng tỉnh chọn một tỉnh trưởng dân sự cho tỉnh Hồ Bắc.

b/ Cưỡng bách tòng quân và Mỗi người dân là một người lính : Ngoài ra, Lê Nguyên Hồng còn đề nghị một quy chế cưỡng bách nhập ngũ thay thế cho qui chế tự nguyện đương thời. Ông gọi là chính sách " mỗi người dân là một người lính ". Chính quyền quốc gia sẽ cử sĩ quan tới các tỉnh để huấn luyện binh sĩ trưng tập ngay tại địa phương. Mọi người sau khi huấn luyện xong đều được giải ngũ và trả về nhà.

Để giải quyết các vấn đề trong quân đội lúc đó, ông còn dám đưa ra chính sách là "bãi bỏ các chức Tổng Đốc và giảm bớt binh lính" (Phế Đốc Tài Quân - Feidu Caijun). Mặc dầu ý kiến đó được nhiều người tán thành và được hậu thuẫn của nhiều lãnh tụ sáng giá trong đó có cả Bác Sĩ Tôn Dật Tiên, nhưng các quân phiệt không chịu vì chỉ họ là những người thiệt thòi. Lê Nguyên Hồng từ chức Tổng Thống năm 1923 và rút lui khỏi chính trường Trung Hoa mà không bao giờ thi hành được các chính sách của ông. Tuy nhiên, ảnh hưởng của các đề nghị cải cách đó trên hệ thống quân sự không thể hoàn toàn bỏ qua vì các đề mục đó lại xuất hiện khi quốc gia thống nhất vào thập niên 1930.

B. Tư tưởng quân sự của Hoàng Hưng

Hoàng Hưng (Huang Xing) là một trong những lãnh tụ cách mạng lỗi lạc của Trung Hoa trong thời cận kim. Ông sinh năm 1874 tại Trường Sa, Hồ Nam và là người thành lập đảng cách mạng Hoa Hưng Hội năm 1903. Ông định khởi nghĩa tại thành phố Trường Sa năm 1904 nhưng bị nhà đương cục Mãn Thanh phát giác và phải chạy qua tị nạn bên Nhật Bản. Tại đây, ông gặp Bác Sĩ Tôn Dật Tiên và gia nhập vào tổ chức của Tôn Văn năm 1905. Ông sát cánh với Tôn Dật Tiên tới khi ông mất.

Trong suốt thời kỳ hoạt động cách mạng trước năm 1911, Hoàng Hưng thường phải đóng vai lãnh tụ của Đồng Minh Hội vì Tôn Văn bị trục xuất khỏi Hongkong, Nhật Bản và các quốc gia Á Châu khác. Dích thân Hoàng Hưng chỉ huy nhiều cuộc nổi dậy hơn ai hết nên được coi là cấp chỉ huy quân sự lỗi lạc nhất của Đảng trong những năm đầu. Khi Cách mạng xảy ra ở Vũ Xương, ông lập tức từ Hongkong đến mặt trận và trở thành Tổng Tư Lệnh lực lượng cách mạng. Ông ở tại đó 24 ngày để chống lại quân Thanh, đủ thời gian cho quân nổi dậy vận động được các tỉnh khác hưởng ứng đứng lên đòi hủy bỏ chế độ quân chủ và thành lập một nước cộng hòa.

Sau khi nền cộng hòa được thành lập, ông được chính phủ lâm thời cử làm Bộ Trưởng Bộ Quân Lực và Tham Mưu Trưởng

các Lực Lượng năm 1912. Khi Viên Thế Khải thay thế Bác Sĩ Tôn Dật Tiên làm Tổng Thống lâm thời và chuyển kinh đô lên Bắc Kinh, ông ta yêu cầu Hoàng Hưng ở lại Nam Kinh để thanh toán một số công việc chưa hoàn tất. Ông liền từ chức và không còn tham chánh trở lại.

Trong thời gian dài đấu tranh cách mạng, Hoàng Hưng được coi như một thực hành gia còn Tôn Dật Tiên thì được coi như một lý thuyết gia. Hoàng Hưng không để lại nhiều di cảo, những gì chúng ta biết về tư tưởng quân sự của ông rút từ một số điện tín và diễn văn của ông. Tuy nhiên, trong vai trò lãnh tụ tối cao của quân cách mạng, ảnh hưởng của ông đối với sự phát triển tư tưởng quân sự trong thời kỳ đầu của cộng hòa vẫn rất đáng kể. Vì thế, dù ít tài liệu, chúng ta cũng nên tóm tắt một số quan điểm của ông.

a/ Giáo dục Phổ thông về Quân sự cho các học sinh : Có lẽ ông là lãnh tụ đầu tiên trong lịch sử cận đại đề nghị một chương trình giáo dục phổ thông về quân sự cho mọi học sinh. Năm 1916, khi nói với các Nghị Viên Nghị hội các tỉnh miền Nam, ông cho rằng vì thiếu giáo dục quân sự chung nên tình trạng quân sự mới tệ hại như thế. Nhắc đến việc các quốc gia Âu Châu động viên những quân đội khổng lồ, ông tin rằng chỉ có quân sự hóa giáo dục Trung Hoa thì thời chiến mới có được một quân số to lớn. Ông viết :

Trung Hoa phải nhấn mạnh vào việc quân sự hóa giáo dục quốc gia. Nếu chúng ta thêm một vài môn quân sự vào chương trình học của học sinh tại mọi cấp - từ trung học đến đại học - thì chúng ta sẽ huấn luyện được nhiều người hơn. Nếu có chiến tranh, lệnh động viên buổi sáng thì chúng ta có ngay 10 triệu quân buổi chiều. Đây là cuộc cải tổ quân sự tôi nghĩ trong đầu đã từ lâu, nhưng chưa bao giờ nói trước công chúng.

Rõ ràng khi Hoàng Hưng nói về một chương trình giáo dục quân sự phổ quát cho mọi trẻ em Trung Hoa, ông đã có một kế hoạch cưỡng bách tòng quân trong đầu. Mặc dầu không kiếm ra được gì thêm về vấn đề ông nói, tư tưởng của ông cũng đã rõ

ràng, nếu không không thể nào hình dung được quân số 10 triệu sẵn sàng trong vòng 12 tiếng đồng hồ.

b/ Giảm bớt vai trò Quân đội trong các vấn đề Dân Chính : Cũng như Lê Nguyên Hồng, người đã đề nghị chính sách tài giảm các nhiệm vụ dân sự của các cấp chỉ huy quân sự cấp tỉnh và cấp địa phương, Hoàng Hưng cũng có những đề nghị tương tự khi ông làm Bộ Trưởng Bộ Quân Lực và Tham Mưu Trưởng Quân Đội trong chính phủ lâm thời của Quốc Dân Đảng năm 1912.

Ngay từ tháng hai năm 1912, chỉ hơn một tháng sau ngày Cộng Hòa thành lập, ông bắt đầu gửi điện tín đến các Đô đốc và Đốc quân các tỉnh yêu cầu họ giải tán các chính quyền quân sự địa phương ngoại trừ những nơi có chiến tranh, để cho các viên chức dân sự giữ việc hành chánh bản xứ.

Hoàng Hưng biết được nguy cơ quân phiệt. Sau Cách mạng Tân Hợi, các lãnh tụ cách mạng nóng lòng muốn giảm bớt quyền hành của các cấp chỉ huy quân sự vì họ chỉ mong rối loạn để chiếm thêm quyền hành. Chỉ có những người mà Hoàng Hưng, Lê Nguyên Hồng, Sái Ngạc có ảnh hưởng trực tiếp mới chịu từ bỏ quyền hành dân sự.

c/ Các cải tổ quân sự khác : Sau khi tuyên bố giải tán các hệ thống quân sự địa phương, Hoàng Hưng cũng bắt đầu giải ngũ các đơn vị quân sự dưới quyền ông.

Như trước đây đã đề cập, Hoàng Hưng được cử đứng đầu chính phủ ở Nam Kinh vào tháng 4 năm 1912 khi Viên Thế Khải dời chính phủ lên Bắc Kinh. Lý do bổ nhiệm có lẽ vì Viên Thế Khải muốn dùng uy tín của Hoàng Hưng để kiểm soát các lực lượng ở miền nam Trung Hoa mà thành phần này Viên Thế Khải không quản lý được.

Từ mùng 6 tháng 4 đến cuối tháng 5, Hoàng Hưng tái tổ chức các lực lượng dưới quyền. Hơn 20,000 binh sĩ bị giải ngũ cho về nhà, nhiều lữ đoàn (hiệp), sư đoàn (trấn) và cả quân đoàn (quân) trưởng đồng ý giải thể đơn vị, trong khi những người khác

đồng ý giải ngũ một phần. Ngày 13 tháng 5, Hoàng Hưng báo cáo là nhiệm vụ ông đã hoàn tất và xin từ chức.

Việc giải tán quân đội là một nhiệm vụ khó khăn và phức tạp. Sau Cách Mạng 1911, Trung Hoa vẫn còn trong tình trạng rối loạn và không thống nhất về bất cứ phương diện gì. Giải binh muốn thành công cần những ngân khoản đáng kể, thời ấy Trung Hoa không có đáng kể. Các lính bị phục viên chỉ được tiền lộ phí. Không ai sắp xếp để họ có việc gì làm thay vào. Thành thử, một số lớn ở lại thành phố, cũng gây ra nhiều vấn đề xã hội. Một số gia nhập binh đoàn khác và một số thành ăn cướp. Hoàng Hưng ra lệnh cho các cấp chỉ huy địa phương trấn áp các thành phần này.

Công cuộc cải cách quân sự của Hoàng Hưng ở Nam Kinh không được các sứ quân Bắc Dương noi theo. Đã thế họ lại tiếp tục bành trướng quân đội. Một số tướng lĩnh của Hoàng Hưng lén lút không tuân lệnh và tiếp tục gia tăng lực lượng. Rõ ràng những gì Hoàng Hưng đề xuất không được hưởng ứng rộng rãi. Đơn phương giải giới, ông đã tự mình làm mình thua trận trong cuộc Đệ Nhị Cách Mạng chống lại Viên Thế Khải sau khi Tống Giáo Nhân bị ám sát. Tuy nhiên, hành động dứt khoát của ông đã hình thành một khuôn mẫu cho tương lai. Vào thập niên 1950, Trung Hoa đã nỗ lực canh tân quân đội trong đó có giải ngũ một phần quân số khổng lồ của họ.

3. SÁI NGẠC VÀ QUÂN SỰ HÓA TRUNG HOA

Sái Ngạc (Cai E) có lẽ là quân sự gia lỗi lạc nhất trong những năm đầu của Dân Quốc. Ông được mọi người kính trọng vì hành động anh hùng bảo vệ nền cộng hòa vào năm 1916.

Sái Ngạc sinh tại Thiệu Dương, Hồ Nam năm 1882. Ông là học trò của Lương Khải Siêu (Liang Qichao), một nho sĩ lỗi lạc ủng hộ chính thể quân chủ lập hiến vào đầu thế kỷ 20. Nhờ Lương giúp đỡ, Sái Ngạc được gửi sang Nhật Bản vào học Trường Võ Bị Nhật năm 1903. Sau khi trở về Trung Hoa, ông làm huấn luyện viên và quản đốc cho các quân sự học hiệu ở Quảng Tây và Vân Nam trong nhiều năm. Nhờ thế ông nổi

tiếng trong giới quân nhân nhất là ở nam Trung Hoa và được bổ nhiệm làm đoàn trưởng ở Vân Nam năm 1911. Cùng với các sĩ quan trẻ ủng hộ, ông tuyên bố tham gia cách mạng chỉ ít ngày sau cuộc khởi nghĩa Vũ Xương ngày 10 tháng 10 năm 1911 và được chọn làm Đô Đốc (Dudu) của tỉnh Vân Nam.

Vì ủng hộ chính thể Dân Quốc nên Sái Ngạc bị Viên Thế Khải bãi chức Tổng Đốc Vân Nam và triệu về Bắc Kinh năm 1913 vì y định tái lập chế độ quân chủ. Cuối năm 1915, Sái Ngạc trốn được về Vân Nam và tuyên bố chống lại Viên Thế Khải vì ông ta đã phản bội nền Cộng Hòa. Viên Thế Khải bị hạ bệ năm 1916. Tuy nhiên, chỉ vài tháng sau khi chiến tranh chấm dứt, Sái Ngạc từ trần vì bệnh ung thư tại Nhật Bản. Ông để lại một số tác phẩm quân sự. Tư tưởng của ông có thể tóm tắt vào những điểm sau :

A. Phục hồi Tinh Thần Võ đạo quốc gia

Năm 1900, khi mới 19 tuổi, Sái Ngạc viết một tiểu luận nhan đề Bàn Về Chính sách quân sự quốc gia (Quân Quốc Dân Thiên - Giun Guomin Pian) đăng trên một tờ báo ở Nhật. Sái Ngạc xoáy mạnh vào một điểm là người Trung Hoa đã mất tinh thần võ đạo và trở nên một dân tộc hèn yếu. Cách duy nhất để khỏi bị chinh phục và xâu xé bởi các cường quốc là phục hồi tinh thần thượng võ.

Có nhiều lý do khiến cho người Trung Hoa mất tinh thần thượng võ nhưng yếu tố chính là hệ thống giáo dục giết chết óc sáng tạo của trẻ con vì chỉ dạy cho chúng theo những đức tính tôn chỉ của Nho giáo như nhân, nghĩa, trí và tam cương ngũ thường. Hệ thống giáo dục đó hoàn toàn bỏ quên thể dục rất quan trọng cho việc phát triển của trẻ em.

Ngoài thể dục, ông nhấn mạnh vào việc giáo dục tinh thần quốc gia, lịch sử đất nước và các mẫu anh hùng, thánh nhân để khơi dậy tự hào dân tộc.

B. Việc đề cao các đức tính trong quân đội

Như đề cập trước đây, việc hủ nát của quân đội trong thời kỳ đầu của Dân Quốc hết sức nghiêm trọng khiến cho không sao phân biệt được đâu là quân đâu là cướp. Sái Ngạc cho rằng nếu tính hạnh vô kỷ luật của binh sĩ không thay đổi, tinh thần võ sĩ càng cao thì chiến tranh càng tàn khốc và dân chúng càng khổ sở. Dựa trên nhận định đó, Sái Ngạc thu thập soạn ra một tờ truyền đơn nhan đề Danh ngôn của Tăng (Quốc Phiên) và Hồ (Lâm Dực) về Hành chánh Quân đội năm 1911 phát cho sĩ quan để làm tăng tinh thần đạo đức và chỉ huy.

Theo ông, dường như đạo đức quân đội bắt nguồn từ lòng trung thành, chính trực, can đảm và hướng thượng. ” Những ai có các đức tính căn bản sẽ đương nhiên có những đức khác và tài chỉ huy. Trái lại, nếu không có những đức tính căn bản thì khó mà có tài có đức khác được ”.

Theo đó, Sái Ngạc giản dị hóa các đức tính quân sự của Trung Hoa từ xưa là khôn ngoan, trung thành, nhân từ, chính trực, can đảm và nghiêm khắc. Những điều này ngày nay được coi như huấn lệnh chung trong các quân kỷ và sổ tay của Trung Hoa. Ông cũng đề nghị một cấp chỉ huy luôn luôn phải theo lương tâm, can đảm và ngay thẳng. Các đức tính đó quan trọng hơn cả.

C. Kế Hoạch quốc phòng và Cưỡng Bách tông quân

Nếu bài Quân Quốc Dân Thiên kê ra những bệnh trạng của người Trung Hoa thì bài viết về ”Kế Hoạch Quân sự” là thuốc chữa các căn bệnh đó.

Trong tác phẩm lớn sau cùng của ông, Sái Ngạc hoạch định một kế hoạch quốc phòng cho Trung Hoa. Nhằm các mục tiêu xây dựng quân đội và hệ thống giáo dục binh sĩ, ông phân tích tương quan giữa sức mạnh quốc gia, sức mạnh quân sự, các lực lượng võ trang, hệ thống tiếp liệu, hệ thống vũ khí và tổ chức quân đội. Tuy các đề tài đó quen thuộc với các cấp chỉ huy quân đội Âu Tây nhưng với Trung Hoa thì còn mới mẻ. Cho nên, việc phân tích một cách có hệ thống của ông có một ảnh hưởng to lớn

đối với tổ chức quân sự hiện đại của Trung Hoa và nhất là hệ thống cưỡng bách tòng quân và giáo dục quân sự.

Theo Sái Ngạc, quốc gia nào cũng có nét đặc thù riêng để kế thừa và sống còn. Ông gọi đó là Quốc Bản (nền tảng của quốc gia), bắt nguồn từ những đặc tính của lịch sử và điều kiện địa lý. Dựa trên nền tảng đó, một nước mới đề ra các chính sách sao cho phù hợp với những tình trạng khác nhau và bảo vệ an ninh. Một chiến lược quốc gia phát sinh từ đó. Mâu thuẫn chiến lược giữa các nước sẽ gây ra chiến tranh và vì vậy phải có quân đội, là khí cụ chính để thực hiện các chiến lược và chính sách. Không quốc gia nào sao nhãng vấn đề quân sự lâu mà không ảnh hưởng đến an ninh và quyền lợi.

Khi còn quan tâm đến việc xây dựng lực lượng, các cường quốc đưa ra chế độ cưỡng bách tòng quân ít ra trong thời chiến. Thế nhưng mãi đến thập niên 1930, Trung Hoa vẫn dựa trên căn bản tự nguyện. Mặc dầu Viên Thế Khải có đề nghị một hệ thống cưỡng chế trong tấu chương gửi Thanh triều hồi thập niên 1890 nhưng không bao giờ đem ra thi hành.

Một hệ thống quân sự căn bản phải cung cấp đủ cho lực lượng võ trang những chiến sĩ quả cảm nhất. Theo Sái Ngạc thì chỉ có việc phổ thông hóa quân sự mới có thể hoàn thành được mục tiêu này.

”Nếu quốc gia muốn có một lực lượng tinh nhuệ bằng một ngân sách giới hạn thì phải theo đuổi một hệ thống cưỡng bách tòng quân, vì chỉ có hệ thống này mới có đủ lính, không làm giảm khả năng trong một ngân sách hạn chế. Chính sách ấy khiến cho quốc gia có thể chỉ giữ lực lượng hiện dịch ở mức tối thiểu trong thời bình nhưng tiếp tục huấn luyện quân trừ bị càng nhiều càng tốt. Miễn là quân trừ bị được tiếp tục tái huấn luyện thường xuyên, họ sẽ chiến đấu có hiệu quả trong thời chiến”

Cưỡng bách tòng quân chỉ có thể thực hiện khi có đủ năm điều kiện :

- Trước hết, báo cáo đúng thời hạn về tình trạng tân binh

- Thứ hai, họ phải được huấn luyện chu đáo
- Thứ ba, lính giải ngũ khi về nhà đời sống được bảo đảm
- Thứ tư, họ phải trình diện ngay khi có lệnh gọi
- Thứ năm, khi tập trung được thì họ phải chiến đấu có hiệu năng

Theo Sái Ngạc, những điều kiện tiên khởi này chỉ có thể đạt được khi chính quyền và quân đội được tổ chức chặt chẽ.

D. Phổ thông hóa huấn luyện và Quân sự hóa

Với kinh nghiệm về huấn luyện và giám sát, Sái Ngạc khẳng định giáo dục quân sự là cần thiết. Mục tiêu chính yếu của giáo dục quân sự là đạt được tinh thần hòa hợp, thống nhất quân đội. Tuy nhiên, những điều đó không phải từ trường ra mà ở trong các đơn vị chiến đấu. Theo Sái Ngạc, bằng chế độ cưỡng bách, chính quân đội là các học hiệu quân sự cho công dân trong thời bình. Ông viết :

Binh sĩ là những công dân ưu tú của quốc gia. Việc huấn luyện quân đội cho thành tựu và thích đáng sẽ ảnh hưởng đến đạo đức xã hội. Nếu công dân nào cũng mạnh khỏe, lương thiện thì quốc gia sẽ hùng cường ... Huấn luyện một binh sĩ cho tốt chính là huấn luyện công dân.

Quan điểm của Sái Ngạc về quân sự hóa quốc gia thực ra là một kế hoạch vĩ đại để quân sự hóa công dân ngõ hầu thay đổi sự suy nhược của dân tộc Trung Hoa như đã đề cập ở trên.

Để đạt được mục tiêu căn bản về giáo dục quân sự - hòa hợp và thống nhất - Sái Ngạc đưa ra 4 điều kiện : khéo léo, hợp tác, kỷ luật và yêu nước.

Một hệ thống huấn luyện quân sự phải dạy cho người lính thành thạo các loại vũ khí và cộng tác với đồng đội. Muốn thế, phải huấn luyện họ theo một tiến trình từ hình thức đến tinh thần nghĩa là người lính nào cũng phải đồng nhất bên ngoài và thống nhất bên trong. Người lính phải mặc đồng phục, đi đều bước và thao diễn đồng loạt.

Một hệ thống huấn luyện quân sự cũng còn phải gia tăng kỷ luật trong quân ngũ. Theo Sái Ngạc, kỷ luật là máu huyết của quân đội, dựa trên tinh thần tin tưởng chung. Người lính tin tưởng vào cấp chỉ huy và tuân lệnh không nghi ngại, họ tin rằng cấp chỉ huy và các bạn đồng đội không bỏ họ. Chính sự tin tưởng lẫn nhau gắn bó quân đội và khiến họ hợp tác chân thành để quyết tâm chiến thắng kẻ thù.

Sau cùng, một hệ thống huấn luyện quân sự còn phải tạo cho quân sĩ tràn đầy tinh thần yêu nước, đó là động lực cơ bản khiến cho người lính chiến đấu cho quê hương đến hơi thở cuối cùng. Theo Sái Ngạc, hệ thống huấn luyện phải dạy cho người lính hãnh diện phục vụ quốc kỳ, quốc ca, học lịch sử, địa dư để gia tăng lòng ái quốc. Ông đề nghị phát triển bản sắc chính trị trong quân đội khiến cho mọi người lính đề thuộc về một chính quyền trung ương ngõ hầu chấm dứt nạn sứ quân ở Trung Hoa trong thời đầu Dân Quốc.

E. Chiến lược và Chiến thuật

Như đã bàn đến trong chương trước, Tăng Quốc Phiên thường hay nhắc đến nguyên lý Chủ và Khách trong chiến lược, chiến thuật. Ông thích chọn vai chủ trên chiến trường bằng cách ở trong tư thế phòng thủ. Trên bình diện tổng quát, Sái Ngạc đồng ý với quan điểm bảo thủ của Tăng Quốc Phiên. Ông viết :

... trong việc thảo luận về chiến lược, Tăng (Quốc Phiên) và Hồ (Lâm Dực) đều chuộng thuyết Chủ Khách. Chủ là phòng thủ, Khách là tấn công ... Lý thuyết đó phù hợp với quan điểm của các chiến lược gia Tây Phương trước cuộc chiến tranh Pháp - Phổ ... Những lý thuyết của họ (Tăng và Hồ) đều đã được thực nghiệm trong chiến tranh và trui rèn bằng kinh nghiệm, phù hợp với các lý thuyết của các chiến lược gia tân thời trên thế giới. Khi suy ngẫm về lời của các vị này, tôi không khỏi không tán phục.

Thế nhưng Sái Ngạc không nhắm mắt theo lời Tăng Quốc Phiên một cách mù quáng. Ông biết rằng sau cuộc chiến Pháp - Phổ và Nga - Nhật, các chiến lược gia đã bàn về ưu điểm của

thế công. Không ai còn muốn giữ thế thủ trừ khi lực lượng mình quá yếu, hay vì tình trạng đặc biệt thế thủ lợi hơn thế công.

Thế nhưng ông cũng không đi theo lý thuyết tấn công của thời ông một cách vô điều kiện. Ông tin rằng "trong việc chọn chiến lược và chiến thuật, người ta phải chú ý đến tình trạng thực tế chứ không nên tùy thuộc vào một lý thuyết nào. Nếu không hiểu các nguyên tắc căn bản của lý thuyết mà chỉ áp dụng một cách mù quáng, thì thế nào cũng thất bại chẳng khác gì người què mà muốn chạy cho nhanh".

Sau khi so sánh lực lượng của Trung Hoa với các nước địch theo các tiêu chuẩn huấn luyện, vũ khí, tiếp liệu và thông tin liên lạc, Sái Ngạc phi bác các lợi điểm chiến thuật tấn công và đưa ra ý kiến riêng mà theo các chiến lược gia Trung Hoa thì là để áp dụng theo tình trạng riêng của đất nước. Sái Ngạc viết :

Nếu Trung Hoa có chiến tranh với một quốc gia khác trong một tương lai gần, thì tốt hơn nên theo chiến thuật Boer hơn là hi sinh hết mọi thứ để đánh liều theo một chiến lược khác. Trước hết, Trung Hoa phải trì hoãn đụng trận và rút lui theo chiến lược phòng ngự để bảo tồn lực lượng, dụ địch vào sâu. Khi địch kiệt sức và không đủ quân để hỗ trợ lẫn nhau, Trung Hoa chỉ cần đánh một trận là quét sạch. Kinh nghiệm của người Nga trong việc đánh bại quân đội Napoléon Trung Hoa có thể học nếu phải đối phó với ngoại xâm.

Sái Ngạc là cấp chỉ huy quân sự lỗi lạc nhất của thời ông. Không những ông kiến thức rất rộng mà tư cách cũng rất đáng trọng. Ông không bao giờ chiếm công vì tư, trái lại ông chọn thái độ rút lui để đất nước sớm thống nhất. Tư cách của ông càng làm cho các tư tưởng quân sự cũng như chính trị được ưa chuộng hơn nhiều người khác và tăng thêm ảnh hưởng trong việc hình thành các quan điểm quân sự hiện đại. Thực thế, Danh Ngôn của Tăng và Hồ về Hành chánh quân đội đã được tái bản với lời giới thiệu của Tổng Tài Tưởng Giới Thạch và phát cho các sĩ quan và sinh viên tại Học Hiệu Quân Sự Hoàng Phố (Huangpu) khi ông Tưởng chỉ huy trường này.

4. BÁC SĨ TÔN DẬT TIÊN VÀ QUÂN ĐỘI CÁCH MẠNG

A. Tôn Văn và cuộc Cách Mạng Tân Hợi

Bác Sĩ Tôn Dật Tiên (Sun Yatsen) sinh năm 1866 tại Hương Sơn (Xiangshan), Quảng Đông hai năm sau khi quân Thanh chiếm lại Nam Kinh và hoàn toàn tiêu diệt giặc Thái Bình.

Thời còn nhỏ, Tôn Văn được nghe không biết bao nhiêu chuyện về giặc Thái Bình. Cảm tình của ông đối với họ khiến cho ông thâm thù Mãn Châu và càng ngày càng mạnh khi thấy tình trạng chính trị - xã hội của Trung Hoa ngày càng tệ hại. Năm 1879, ông đi Hawaii để theo đuổi giáo dục Tây phương. Năm 1886, ông vào học trường Y Khoa Trung Hoa tại Hongkong và mở một bệnh viện ở Macau sau khi tốt nghiệp năm 1892, nhưng chỉ được vài tháng thì phải đóng cửa vì các bác sĩ Âu Châu cạnh tranh. Ông phải dọn về Quảng Châu.

Theo hồi ký của ông về biến cố Luân Đôn, ông gia nhập Hưng Trung Hội (Xingzhonghui) năm 1892 và bắt đầu dấy động chính trị ở Macau.

Sau khi Hưng Trung Hội thành lập ở Hawaii năm 1894, Tôn Dật Tiên trở thành lãnh tụ tối cao và đích thân ông chỉ huy cuộc khởi nghĩa vũ trang đầu tiên ở Quảng Châu năm 1895. Sau đó ông bốn ba nhiều nước khắp thế giới để kêu gọi các Hoa kiều hải ngoại ủng hộ cách mạng.

Như đề cập trong chương trước, sau những cuộc khởi nghĩa bạo động, Tôn Văn bị trục xuất ra khỏi nhiều quốc gia tại Á Châu. Thành ra ông không còn có thể trực tiếp lãnh đạo hoạt động cách mạng và khởi nghĩa. Lực lượng cách mạng càng được tăng cường khi Hưng Trung Hội và Hoa Hưng Hội sáp nhập để thành Đồng Minh Hội năm 1905. Tôn Văn lúc ấy có thể để cho người khác, như Hoàng Hưng và Tống Giáo Nhân, lãnh đạo việc thường ngày để dành thời giờ vào công việc xây dựng lý thuyết. Ngoài ra, ông vốn dĩ du hành nhiều nước Âu Tây, lại giỏi Anh ngữ nên vì thế đưa được nhiều quan điểm chính trị Tây phương

vào trong suy nghĩ của ông. Cho nên ông là lãnh tụ ý thức của Đồng Minh Hội.

Trong cuộc đời, ông xuất bản nhiều tác phẩm hơn các lãnh tụ khác của Đảng. Những tác phẩm danh tiếng của ông gồm có Tam Dân Chủ Nghĩa, Học Thuyết Tôn Văn, Dự Án Phát Triển Quốc Tế của Trung Hoa. Mặc dầu các tác phẩm này được xuất bản hồi thập niên 1920 nhưng mãi về sau này các tư tưởng căn bản trong đó vẫn còn được nhiều người nói đến.

- Tam Dân Chủ Nghĩa là sự kết hợp của tư tưởng quốc gia Tây Phương, chủ nghĩa dân chủ và chủ nghĩa xã hội cùng với lời giải thích riêng của Tôn Văn về các tư tưởng chính trị - xã hội cổ truyền của Trung Hoa, được sử dụng như hướng dẫn tổng quát cho Cách Mạng. Nó cũng còn được dùng để định chế hóa hệ thống xã hội - chính trị của Trung Hoa Dân Quốc. Hai tác phẩm kia phác họa việc xây dựng nền tảng tinh thần cũng như vật chất của Cộng Hòa Trung Hoa và tư tưởng quân sự của ông phần nào phản ảnh các căn bản này.

- Dự Án Phát Triển Quốc Tế của Trung Hoa (Quốc Tế Khai Phát Kế Hoạch) được đưa ra cho một số cường quốc Âu Tây năm 1921 để thuyết phục các lãnh tụ chính trị đầu tư các năng lực nhân sự, trang bị và kỹ nghệ đang giải thể của họ vào Trung Hoa để Trung Hoa xây dựng các kế hoạch giao thông và một nền kỹ nghệ hiện đại. Trên quan điểm quân sự, Trung Hoa sẽ trở nên hùng mạnh nếu các kế hoạch của Tôn Văn được thực hiện.

- Tôn Văn Học Thuyết (Sun Wen Xue Shuo) viết để thuyết phục dân Trung Hoa đi theo kế hoạch xây dựng Trung Hoa hiện đại của ông. Trong cuốn sách này, Tôn Văn nhấn mạnh vào một nguyên tắc duy nhất : biết làm cách nào khó hơn thực hiện một công việc (tri nan hành dị). Dựa trên tiền đề đó, ông khuyến khích các Đảng viên và thường dân Trung Hoa thực hiện công tác cách mạng sao cho phù hợp với lý thuyết cách mạng. Nếu Dự Án Phát Triển Quốc Tế của Trung Hoa là một sơ đồ kiến thiết vật chất của nước Cộng Hòa sơ

sinh thì Tôn Văn Học Thuyết nhắm vào củng cố quyết tâm đạt tới những mục tiêu của Cách Mạng. Lấy chính kinh nghiệm của mình để làm gương, Tôn Văn lập đi lập lại với dân Trung Hoa, nhất là với đảng viên và quân sĩ, nhấn mạnh về yếu tố tinh thần trong công cuộc đấu tranh cách mạng.

Tôn Văn được bầu làm Tổng Thống Lâm Thời đầu tiên của Trung Hoa Dân Quốc năm 1912 nhưng ông từ chức nhường cho Viên Thế Khải để đánh đổi lấy sự ủng hộ của ông ta với nền Cộng Hòa. Tuy nhiên, việc Viên phản bội, mưu toan tái lập đế chế và cái chết của ông ta sau khi các tướng lãnh nổi dậy chống lại đã gây ra một thời kỳ nội chiến và quân phiệt dài trong lịch sử.

Trong khi cách mạng Trung Hoa chịu hết nạn này tới nạn khác thì cuộc Cách Mạng Cộng sản tại Nga thành công. Việc đó đã ảnh hưởng đến thái độ chính trị của Tôn Văn. Với sự cố vấn của các chuyên gia Liên Xô trong Cộng Sản Quốc Tế, ông tái tổ chức Quốc Dân Đảng theo khuôn mẫu của đảng Cộng Sản. Ông cũng quyết định thành lập một quân đội cách mạng hay lực lượng vũ trang của đảng theo kiểu Liên Xô. Ông gửi Tưởng Giới Thạch làm đặc sứ của ông sang Liên xô để học về hệ thống quân sự và chính trị của họ. Khi trở về, Tưởng Giới Thạch được cử làm hiệu trưởng trường võ bị Hoàng Phố (Hoàng Phố quân quan học hiệu) để dùng những sở học vào việc xây dựng một quân đội cách mạng. Chính tại nơi đây mà hệ thống chính ủy được đề ra. Hệ thống đó trở nên một phần bộ thường trực và thiết yếu của quân đội Trung Hoa trong cả Quốc Dân Đảng lẫn Cộng Sản.

Là lãnh tụ cách mạng và trên hết một lý thuyết gia, các tác phẩm chính trị của Tôn Văn phong phú và có hệ thống hơn các tác phẩm quân sự của ông nhiều. Tuy nhiên, tư tưởng của ông ảnh hưởng sâu đậm trên hệ thống quân sự tân thời hơn nhiều lãnh tụ quân sự khác và vì thế đáng cho chúng ta nghiên cứu kỹ càng.

B. Kế Hoạch Quốc Phòng và Phát Triển Kinh Tế

Trong một lá thư viết cho Liêu Trọng Khải (Leo Zhongkai) năm 1921, Bác Sĩ Tôn Dật Tiên đã cho hay ông dự định viết một quyển sách về vấn đề quốc phòng của Trung Hoa. Ông tính lấy tên là Kế Hoạch Mười Năm về Quốc Phòng và ông liệt ra 62 vấn đề ông sẽ bàn đến. Không có chứng cứ nào là ông đã viết cuốn sách đó nên chúng ta không thể tìm hiểu lý thuyết của ông về quốc phòng một cách có hệ thống. Dầu sao, một số chi tiết trong danh sách ông kê ra cũng có thể tìm thấy trong các diễn văn hay các bài viết khác của ông. 62 điểm đó bao gồm một khu vực to lớn, có thể tóm tắt trong 10 đề mục sau đây :

- 1/ các nguyên tắc, phương hướng và chính sách quốc phòng
- 2/ quốc phòng và vấn đề đối ngoại
- 3/ quốc phòng với hệ thống chính trị quốc gia kể cả hiến pháp, chính quyền trung ương và địa phương.
- 4/ kinh tế và quốc phòng : thảo luận về các kế hoạch liên quan đến kỹ nghệ quân sự, nông nghiệp, hầm mỏ, thương mại, giao thông vận tải và giáo dục. Cũng bao gồm cả tương quan giữa quốc phòng và sự phát triển kỹ nghệ quốc gia.
- 5/ các kế hoạch xây dựng quân sự và hệ thống quân đội bao gồm lục quân, không quân và hải quân.
- 6/ giáo dục quân sự và trao đổi các quan điểm quân sự với nước ngoài.
- 7/ quốc phòng và nhân văn, kể cả các ý kiến tái định cư nhân dân các vùng nhân mãn ra vùng biên giới.
- 8/ hệ thống vũ khí - tiêu chuẩn hóa vũ khí.
- 9/ kế hoạch hành quân và thao luyện.
- 10/ so sánh giữa giáo dục quân sự về tinh thần và thể chất.

Những tài liệu liên quan đến một nửa các đề tài này có thể tìm thấy trong các văn kiện và diễn văn của ông. Tương quan giữa quốc phòng và kinh tế quốc gia chẳng hạn có thể tìm thấy trong Dự Án Phát Triển Quốc Tế của Trung Ho. Các ý niệm về

giáo dục quân sự và nguyên tắc chiến lược, chiến thuật có thể tìm trong điển văn của ông trước các lực lượng.

Có người cho rằng kế hoạch phát triển kỹ nghệ của Tôn Văn chính là kế hoạch quốc phòng được cắt giảm cho phù hợp với nhu cầu của Trung Hoa. Theo ông, việc phát triển kỹ nghệ là một vấn đề thiết yếu quan hệ trực tiếp đến vận mệnh của Trung Hoa.

Các phương án mà Tôn Văn đưa ra nhắm trọng tâm vào việc giải quyết các vấn đề vận tải - ông đề 4 trong 6 phần trong cuốn sách thảo luận về đề mục này. Chỉ có cải tiến giao thông thì quyền hành của Trung Hoa tại các vùng biên cảnh mới có thể duy trì và mới thể di dân tới các nơi đó cũng như mới có thể tiếp tế được cho những nơi gặp khó khăn. Ngoài ra, chỉ có cách cải thiện giao thông thì Trung Hoa mới tiếp nhận được kỹ thuật, hàng hóa, tài nguyên từ các nước Âu Tây để duy trì và kích thích phát triển kỹ nghệ. Kế hoạch của Tôn Văn gọi là phát triển kỹ nghệ xe hơi và hầm mỏ.

Những kế hoạch về phát triển giao thông vận tải ông đề ra giới hạn vào việc cải tiến hải cảng, đường hỏa xa, hệ thống sông ngòi và đường sá.

Trước hết, Tôn Văn dự tính kiến tạo 3 hải cảng bậc nhất dọc theo bờ biển Trung Hoa được gọi là Đại Bắc Cảng Trực Lệ ở Hà Bắc, Đại Đông Cảng Hàng Châu ở Triết Giang hay Thượng Hải và Đại Nam Cảng ở Quảng Châu. Ngoài ra, vài chục hải cảng hạng nhì, hạng ba cũng được xây cất hoặc dọc theo bờ biển hoặc trong các sông chính tại nội địa.

Tôn Văn cũng nhấn mạnh vào sự quan trọng của việc cải tiến giang hành trên sông Dương Tử và Vận Hà (Grand Canal) để nối liền các vùng trù phú trong đất liền với Đại Đông Cảng. Việc xây cất các hải cảng hạng nhì, hạng ba dọc theo sông ngòi là biện pháp ông đưa ra.

Để nối liền các hải cảng đề ra trong kế hoạch với các vùng kinh tế và chiến lược trong toàn quốc, ông phác họa 7 hệ thống thiết lộ chính.

Hệ thống thiết lộ Tây Bắc đi từ Đại Bắc Cảng chạy ngang qua Mông Cổ, Tân Cương đến biên giới Nga Hoa. Các đường nhánh sẽ nối các thị trấn biên giới và khu vực chiến lược như Mông Cổ, Cam Túc, Tân Cương với đường chính. Tôn Văn sẽ thiết kế một kế hoạch di cư để đưa dân từ các vùng đông đúc trong nội địa đến các vùng biên cảnh vì cả lý do kinh tế lẫn quân sự. Kế hoạch của thiết lộ này dự trù khoảng 7000 km.

Ngoài ra ông dự tính thiết lập hai đường thiết lộ nối Đại Đông Cảng với các thành phố bên trong đất liền và các vùng biên giới. Các đường này gọi là hệ thống Thiết Lộ Trung Ương và hệ thống Thiết Lộ Đông Nam. Đường Trung Ương chạy dọc theo sông Dương Tử đến các tỉnh phía Tây của Tây An trong tỉnh Thiểm Tây, tới Trùng Khánh ở Tứ Xuyên rồi ngoặt lên Bắc Mông Cổ và Tân Cương nối liền với hệ thống Thiết Lộ Tây Bắc. Đường Đông Nam chạy về miền nam qua các tỉnh Giang Tây, Giang Tô, An Huy, Hồ Bắc và Hồ Nam xuống Đại Nam Cảng ở Quảng Châu. Hai đường này dự trù dài 16,600 km và 9,000 km.

Một thiết lộ thứ tư Tôn Văn dự trù sẽ dùng để biến Đại Nam Cảng thành một cửa biển hạng nhất. Ông đề nghị đường thứ tư này chạy từ Nam Cảng qua Hồ Nam, Quý Châu, Quảng Tây, Vân Nam đến biên giới Hoa - Miến và Hoa - Việt. Ngoài 4 đường chính nêu trên, Tôn Văn cũng đề ra 3 hệ thống khác. Một đường tên là hệ thống Thiết Lộ Cao Nguyên chạy qua Tây Tạng, Thanh Hải, một phần Tân Cương, Tứ Xuyên, Vân Nam và Quý Châu. Hệ thống này giúp Trung Hoa ngăn chặn được các cuộc tấn công từ Ấn Độ và Đông Dương. Đường thứ hai tên là Thiết Lộ Đông Bắc hay Mãn Châu, nối liền Mãn Châu với Đại Bắc Cảng và các vùng khác của tỉnh Hà Bắc. Con đường này nhằm củng cố lực lượng phòng vệ Nga hay Nhật xâm lăng Mãn Châu. Con đường thứ ba gọi là hệ thống Thiết Lộ Tây Bắc kéo

dài. Khi hoàn tất, con đường này sẽ đi tới mọi thị trấn chiến lược ở biên giới tại Tân Cương và Mông Cổ nhằm ngăn chặn Nga Xô khỏi đánh qua biên giới.

Sau hết, Tôn Văn đưa ra kế hoạch xây dựng 1,000,000 km xa lộ để gia tăng hệ thống giao thông vận tải.

Các mục tiêu khác của Tôn Văn là kế hoạch phát triển kỹ nghệ xe hơi và hầm mỏ. Ông đặc biệt nhấn mạnh về sự quan trọng của khai thác sắt thép, than đá, dầu hỏa và đồng cũng như sự phát triển các nhà máy chế tạo máy móc.

Trong các dự án đưa ra, Tôn Văn nhấn mạnh vào lợi ích có thể có nếu các cường quốc giúp Trung Hoa phát triển kỹ nghệ. Điều ông không nói ra nhưng cũng đã rõ ràng là kết quả của những kế hoạch này sẽ làm cho Trung Hoa gia tăng sức mạnh quân sự và chấm dứt sự xâm lấn của nước ngoài.

C. Sự thành lập các Lực Lượng Cách Mạng

Mặc dầu Đồng Minh Hội đã có lần mở một trường võ bị tại Tokyo năm 1902 để huấn luyện cán bộ cách mạng và cũng giúp các sinh viên Trung Hoa xin vào học các quân sự học hiệu của Nhật Bản nhưng Tôn Văn và Quốc Dân Đảng mãi đến 1924 mới xây dựng lực lượng cách mạng, khi Quân quan Học hiệu Hoàng Phố thành lập.

Tôn Văn không định nghĩa rõ ràng thế nào là "lực lượng cách mạng" nhưng ông có cố gắng phân biệt giữa một quân đội cách mạng với lực lượng quân sự khác dựa trên tinh thần, chiến thuật và sự trung thành với các nguyên tắc cách mạng. Từ những thảo luận sau đây chúng ta có thể hình dung được quan điểm về lực lượng cách mạng.

Tong việc phân biệt lực lượng võ trang cách mạng với lực lượng quân sự khác, Tôn Văn nói là "mỗi chiến sĩ cách mạng có thể đánh lại 100 hay ít nhất cũng 10 kẻ thù. Khi hai chữ cách mạng được áp dụng cho một binh đội, một nghìn chiến sĩ quân đội cách mạng có thể đánh bại 10 hay ngay cả 100 nghìn kẻ thù.

Có thể đánh bại một địch thủ quân số đông đảo gấp bội như thế chính là tiêu chuẩn đo lường Quân đội Cách Mạng”.

Một đánh một là nguyên tắc thông thường của đối trận. Chỉ có những trường hợp đặc biệt một chiến sĩ mới có thể đánh được nhiều hơn một người. Cho nên tiêu chuẩn của Tôn Văn cho quân đội Cách Mạng quả thực không bình thường. Theo ông, cách mạng là một công tác đặc biệt và vì thế chỉ có một lực lượng cách mạng đặc biệt mới thực hiện nổi. Cách duy nhất để thành lập một lực lượng cách mạng là học hỏi các đảng viên cách mạng. Cần phải học tinh thần đấu tranh và lòng can đảm để một có thể chống 100. Chính là như thế vì Tôn Văn có nói : ”Nếu một lực lượng chiến đấu không khác gì một đảng viên cách mạng thì mới được gọi là Quân đội Cách Mạng”. Từ đó, người ta biết rằng quân đội cách mạng là một lực lượng đặc biệt nhấn mạnh vào yếu tố tinh thần. Với tinh thần chiến đấu đặc biệt đó, một lực lượng cách mạng có thể đánh bại một lực lượng đông đảo hơn.

Trước khi thành lập quân đội cách mạng, Tôn Văn và Quốc Dân Đảng phải chủ yếu dựa vào sự ủng hộ của các lực lượng địa phương ở các tỉnh miền Nam. Ông thường nghĩ đến việc chuyển họ sang thành lực lượng cách mạng. Ông nói : ”Nếu chúng ta muốn dựa vào các lực lượng hiện hữu để hoàn thành công cuộc cách mạng, nhiệm vụ chính yếu của các đảng viên là phải làm sao chuyển hóa các binh sĩ thành đảng viên, có thể họ mới sẵn sàng hi sinh thân mình cho Tam Dân Chủ Nghĩa”.

Nhưng rõ ràng Tôn Văn không thành công trong việc biến các đơn vị địa phương thành một lực lượng cách mạng lý tưởng. Vì thế ông phải thành lập trường võ bị Hoàng Phố để đào tạo lực lượng cách mạng riêng. Tôn Văn thán phục cách mạng Nga và dự tính huấn luyện lực lượng của ông theo khuôn mẫu nước Nga. Đã có lần ông viết cho Tưởng Giới Thạch năm 1924 là ”cuộc cách mạng của chúng ta sẽ không bao giờ thành công nếu chúng ta không học hỏi người Nga”. Học cái gì đây ? Tôn Văn viết : ”Để hoàn thành công cuộc cách mạng, chúng ta phải

học phương pháp, tổ chức và huấn luyện theo kiểu Nga”. Hậu quả là ông tái tổ chức Quốc Dân Đảng và thành lập một lực lượng cách mạng.

D. Các Chiến Thuật Cách Mạng của Tôn Văn

Nếu Bác Sĩ Tôn Dật Tiên đã từng khai triển một chiến lược quân sự cho quân đội cách mạng thì nguyên lý của nó phải là lấy ít thắng nhiều. Ông nhắc đi nhắc lại nguyên tắc đó trong nhiều bài diễn văn và bài viết. Một lần, ông viết cho Tưởng Giới Thạch về một quân đội lý tưởng như sau ”Nếu quân đội được tổ chức và huấn luyện theo ý của tôi và do tôi chỉ huy, tôi dám chắc sẽ đánh bại được một lực lượng đông gấp mười hay gấp trăm. Chiến lược này chưa từng chiến lược gia nào đề cập đến trong binh thư cả”.

Thế nhưng nếu nói nguyên tắc này của ông là không đúng. Đánh bại một quân lực đông hơn đã có từ lâu. Các quân sự gia đời xưa đã bàn về nguyên tắc này. Trong khi các binh gia đời xưa đã phát triển một số lý thuyết để thực hiện chiến lược lấy ít chống nhiều, Tôn Văn không để lại một phương pháp nào đáng tin về việc thực hiện chiến lược đó, ngoại trừ việc nhấn mạnh về tinh thần cách mạng và chiến thuật du kích.

Lấy thí dụ về đội cận vệ của ông trong biến cố Quan Âm Sơn (Guanyin shan) năm 1922, ông nói rằng 30 người trang bị bằng súng lục đã giữ vững vị trí hơn mười tiếng đồng hồ chống lại được vài nghìn loạn quân đến khi họ hết đạn. Tôn Văn nói ”Chỉ có các cận vệ chiến đấu tại Quan Âm Sơn mới xứng đáng là mẫu người lính lý tưởng của quân đội cách mạng : một người chống lại một trăm”. Theo Tôn Văn, các quân nhân đó có thể chiến đấu như thế vì họ không sợ chết và sẵn lòng hi sinh cho cách mạng.

Ngoài yếu tố tinh thần, một phương pháp duy nhất Tôn Văn cho rằng quân đội cách mạng có thể đánh lại một quân địch đông hơn là dùng chiến thuật du kích hay Du Dũng (You Yong).

Dường như Tôn Văn lấy ý kiến về chiến thuật du kích từ chiến tranh Boer, trong đó người Boer chống lại quân Anh ở Nam Phi bằng chiến thuật phục kích. Người Việt Nam cũng dùng chiến thuật tương tự để chống Pháp và có lẽ điều đó đã ảnh hưởng đến Tôn Văn. Cho nên, ông đề nghị dùng chiến thuật du kích chống lại quân xâm lăng ngoại quốc và quân phiệt Bắc Dương.

Nói chung, các bàn cãi của Tôn Văn về chiến tranh du kích chỉ giới hạn trong các vấn đề kỹ thuật. Theo ông, có 5 loại kỹ xảo trong chiến thuật Du Dũng cần phải học : bắn mục tiêu, phục kích, chịu đựng gian khổ, đi bộ và ăn uống đạm bạc. Khi thảo luận về tác xạ mục tiêu, Tôn Văn có đề cập đến nguyên tắc lấy tiếp liệu của địch trong chiến tranh du kích. Tôn Văn viết "việc tiếp liệu đạn dược có thể từ hậu cần hay ngay tại mặt trận. Tuy nhiên, lực lượng du kích không thể nào có tiếp tế nên phải lấy của địch để dùng. Thành thử, tiếp liệu của họ không phải từ sau mà từ trước." Về vấn đề "chịu đựng gian khổ, đi bộ và ăn uống kham khổ" đó không phải là kỹ năng mà là huấn luyện thể xác giúp cho quân du kích vượt qua được những khiếm khuyết hay yếu kém về vũ khí và trang bị. Sau cùng, từ ngữ "phục kích" có thể dùng trên tầm vóc kỹ thuật hay chiến thuật. Nếu nói về kỹ thuật là nhấn mạnh về an toàn cá nhân bằng cách dùng các điều kiện thiên nhiên như địa thế để ẩn náu hầu tránh khỏi hỏa lực của địch. Nếu nói về chiến thuật là nhấn mạnh vào việc tấn công địch bất ngờ. Thảo luận của Tôn Văn nhắm vào kỹ thuật nhiều hơn.

E. Yếu tố quyết định của chiến tranh - Con Người

Tôn Văn không đưa ra một chiến lược hay chiến thuật đặc biệt nào để khiến cho một có thể chống mười, chống trăm. Chiến lược duy nhất ông nhắc đi nhắc lại là sự ưu việt của tinh thần đấu tranh cách mạng. Như đã đề cập trong phần trước, ông nhấn mạnh vào bản chất phi thường của chiến tranh cách mạng và do đó tin rằng cần có những tinh thần đấu tranh phi thường.

Thực vậy, Tôn Văn nói ”phải tự hỏi có tinh thần cách mạng hay không, nếu có thì thành công của cách mạng mới bảo đảm”.

Tinh thần là gì ? Ông định nghĩa rất giản dị : ”những gì không phải là vật chất là tinh thần”. Tinh thần và vật chất hỗ tương không thể tách rời. Tuy nhiên theo Tôn Văn, tinh thần là yếu tố chính, vật chất là yếu tố phụ. Vũ khí thuộc về vật chất nên chỉ được sử dụng thích đáng bởi những con người có tinh thần. Cho nên, yếu tố quyết định trong chiến tranh chủ yếu là tinh thần con người mà Tôn Văn cho rằng quan trọng gấp chín lần vật chất. Câu sau đây hình dung sự quan trọng mà Tôn Văn nói về tinh thần trong chiến tranh :

Nếu người ta có vũ khí dồi dào nhưng tinh thần yếu kém thì họ chỉ muốn bỏ vũ khí lại cho địch lấy khi phải ra trận. Quân đội như thế chẳng khác gì toán tiếp vận trang bị cho địch quân. Cho nên, khi hai lực lượng thù nghịch muốn hủy diệt khả năng chiến đấu của nhau, thì chỉ cần phá hủy tinh thần chiến đấu của nhau.

Hầu hết mọi người đều đồng ý là tinh thần là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến kết quả chiến tranh nhưng nhiều người cho rằng Tôn Văn hơi đánh giá vai trò tinh thần quá cao trong chiến đấu.

Nói chung, tình hình thực tế thường không cho các lãnh tụ nhiều chọn lựa nên họ thường đề cao vai trò tinh thần. Thực tế, các đơn vị cách mạng thường kém trang bị và không được tiếp liệu đều đặn. Nếu lãnh tụ cách mạng khăng khăng là vũ khí quan trọng hơn ý chí con người thì khác nào tự mình đánh bại mình. Trong hầu hết mọi trường hợp, người Trung Hoa phải chiến đấu bằng những vũ khí cũ kỹ chống lại kẻ thù trang bị tối tân hơn nhiều. Cho nên, họ phải tự nhủ là tinh thần ưu thắng. Chẳng hạn như Mao Trạch Đông gọi bom nguyên tử là con cọp giấy vì tuy nhìn thì kinh khủng nhưng thực tế thì không. Lý do thực sự sau lời phát biểu đó là lúc đó Trung Hoa chưa có vũ khí hạch tâm. Ông ta không muốn Quân đội Giải Phóng Nhân Dân phải chùn bước khi nghĩ đến có thể phải đụng độ với một kẻ thù có bom nguyên tử.

Tuy nhiên, chúng ta phải biết rằng việc nhấn mạnh vào tinh thần coi đó là yếu tố quyết định đã trở thành một tính chất quan yếu trong tư tưởng quân sự của Trung Hoa. Chỉ có điều mỗi lãnh tụ quân sự lại nhìn theo một mức độ khác.

F. Vai trò của Tuyên Truyền Chính Trị trong Chiến Tranh

Chiến lược của Tôn Văn là dùng một lực lượng nhỏ để đánh bại một lực lượng lớn hơn nên đòi hỏi tinh thần phải rất cao. Nâng cao tinh thần chiến đấu của quân ta trong khi hủy hoại tinh thần quân địch trở thành chìa khóa chiến thắng của lực lượng cách mạng. Theo Tôn Văn, đường lối hay nhất là dùng tuyên truyền. Ông nói : "Sau khi tái tổ chức Quốc Dân Đảng, chúng ta phải nhấn mạnh vào tuyên truyền vận động chứ không phải phương tiện quân sự".

Tuyên truyền có thể biến địch thành bạn. Chẳng hạn như trong cuộc Cách Mạng Tân Hợi, tại Vũ Xương sở dĩ thành công là vì chính quân Thanh cũng nổi dậy. Họ nổi dậy chính là nhờ cách mạng tuyên truyền. Ông viết : "Nhờ tuyên truyền vận động, chúng ta đã làm cho họ hiểu được Tam Dân Chủ Nghĩa khiến họ sẵn sàng chiến đấu cho cách mạng. Cho nên, sự thành công của cách mạng là nhờ vào sự thành công của tuyên truyền".

Ngoài ra theo ông nếu không có tuyên truyền thì một lực lượng cách mạng cũng không thắng trận được vì "nếu chúng ta không vận động tuyên truyền binh sĩ của ta, thì họ chẳng biết vì sao mà họ phải chiến đấu cho cách mạng". Vì thế, Tôn Văn nói là "phương pháp nhanh nhất để tiến hành cách mạng là 90% dựa vào tuyên truyền, chỉ 10% dựa vào lực lượng".

Việc nhấn mạnh vào tuyên truyền trong chiến tranh không những là một phần bộ quan trọng của chiến lược cách mạng Tôn Văn mà còn là nền tảng cho hệ thống chính ủy trong quân đội Trung Hoa hiện đại. Có thể tin rằng khi Mao Trạch Đông cương quyết chống lại quan điểm quân sự thuần túy của Hồng quân trong thời còn ở Tỉnh cương sơn (Jinggangshan) có thể phần nào bắt nguồn từ triết lý của Tôn Văn.

G. Ngưng chiến và Giải Ngũ quân đội

Khi bàn về bản chất chiến tranh, Tôn Văn tin rằng chiến tranh chẳng qua chỉ là sự thể hiện tính bản ác của con người. Ông cũng tin rằng con người càng tiến bộ thì càng ít cơ hội cho cái tính ác ấy biến thành chiến tranh. tuy nhiên, một nguyên tắc chung cho thế giới hiện đại là ai chiến đấu được sẽ sống còn, ai không chiến đấu được sẽ khổ sở. Cho nên "người ta phải chiến đấu chính là vì muốn ngưng chiến". Đó chính là một phần của triết học quân sự cổ điển của Trung Hoa và hiện vẫn còn chi phối tâm hồn của những quân sự gia tân thời.

Giải ngũ lực lượng đã trở thành một vấn đề chính yếu sau cách mạng 1911. Tiếng nói của Tôn Văn về vấn đề này không những đáng kể mà còn có tính thuyết phục hơn những người khác vì ông đưa ra một khung hình trong đó lính giải ngũ có việc làm trong khu vực kỹ nghệ. Ông nói rằng "giải ngũ binh sĩ không phải là bỏ cho họ thất nghiệp lang thang mà phải biến họ thành công nhân để hoàn thành chính sách gia tăng kiến tạo kỹ nghệ bằng lực lượng quân sự". Chính sách đó gần đây cả Cộng Sản lẫn Quốc gia đều đã thực hiện tại Hoa lục và ở Đài Loan sau năm 1949.

5. TƯỚNG BÁCH LÝ VÀ TƯ TƯỞNG QUÂN SỰ

Nói chung là không có một sự phát triển nào xuất sắc trong tư tưởng quân sự tân thời tại Trung Hoa trong thời kỳ Dân quốc mới thành lập. Một trong những biệt lệ là Tướng Tưởng Bách Lý (Jiang Baili). Ông không những giới thiệu các lý thuyết quân sự cận đại của ngoại quốc và hệ thống của họ vào Trung Hoa mà còn phát triển lý thuyết riêng dựa trên những hoàn cảnh đặc biệt của xã hội Trung Hoa. Thành quả của ông tuy không vĩ đại như các chiến lược gia lỗi lạc nhưng ông vẫn được coi như một người tiên phong trong lãnh vực lý thuyết quân sự hiện đại.

A. Bối cảnh Xã Hội - Chính trị của Tướng Bách Lý

Tướng Bách Lý sinh năm 1882 tại huyện Hải Nham (Haiyan), tỉnh Triết Giang. Thuở nhỏ và thiếu thời ông học cổ

văn và đỗ Tú Tài (Siucaì) trong kỳ thi hương năm 1898 lúc 17 tuổi. Đến khi ông học một trường công dành riêng cho con quan ông mới hiểu được nỗi nhọc nhằn của Trung Hoa khi thua trận chiến tranh Trung Nhật năm 1894 và cuộc chiến tranh Bát Quốc Liên Quân năm 1900. Tưởng Bách Lý trở nên ủng hộ cách mạng và sang Nhật du học năm 1901.

Cũng như các sinh viên Trung Hoa khác, ông muốn được vào một trường võ bị. Sau khi học một số lớp chuẩn bị quân sự ở Thành Thành học hiệu năm 1901 và phục vụ như một sĩ quan không chính thức trong quân đội Nhật, sau cùng ông được vào trường Võ bị Nhật Bản năm 1904.

Ông đỗ đầu lớp tháng 12 năm 1905 và được Nhật Hoàng tặng cho một thanh kiếm. Việc đó khiến ông nổi danh trong cộng đồng Hoa Kiều tại Trung Hoa cũng như tại Nhật Bản.

Sau khi về nước, ông được mời làm Tham Mưu Trưởng cho Tổng Đốc Mãn Châu lúc ấy là Triệu Nhĩ Tốn (Zhao Erxun), người đã đỡ đầu cho ông ghi tên vào trường võ bị Nhật Bản. Chỉ vài tháng sau, viên Tổng Đốc lại gửi ông đi học thêm về khoa học quân sự tại Đức. Thay vì ghi tên học một trường quân sự Đức, ông gia nhập quân đội Đức và phục vụ như một sĩ quan tập sự cho đến 1910.

Trong thời gian ở Đức, Tưởng Bách Lý dùng rất nhiều thì giờ để học văn chương Tây Phương, lịch sử và triết học. Vì thế, khi về nước ông không những thông hiểu khoa học quân sự Tây Phương mà còn biết nhiều về văn hóa, lịch sử và tình trạng xã hội - chính trị của họ nữa. Sự thông thạo của ông trên các lãnh vực đó đã giúp ông rất nhiều khi sau này ông được Tưởng Giới Thạch cử làm đặc sứ đi Âu Châu trong công tác ngoại giao và quân sự hồi Thế Chiến thứ hai.

Sau khi trở về Trung Hoa, ông nhận chức vụ tiểu đoàn trưởng Ngự Lâm Quân một vài tháng. Sau đó ông lại theo người chủ và đỡ đầu cũ là Tổng đốc Triệu Nhĩ Tốn trở lại làm Tham mưu trưởng. Tuy nhiên trong những ngày trước cách mạng Tân Hợi, Tưởng Bách Lý bị trục xuất khỏi Mãn Châu bởi Tuần

Phòng Quân (Xunfang giun) là lực lượng chống lại Tân quân (Xinjun) và bị kết tội là thân cách mạng. Thực ra đến lúc đó ông vẫn chưa gia nhập cách mạng. Khi Dân quốc thành lập, ông chỉ chấp nhận một cách thụ động chứ không theo. Vài tháng sau cách mạng, ông về Bắc Kinh gia nhập lực lượng của Viên Thế Khải khi ông này giữ chức Tổng Thống lâm thời đầu năm 1912. Tưởng Bách Lý nhận chức Chỉ Huy Trưởng Quân Sự học hiệu Bảo Định cùng năm đó. Tuy nhiên, vì không được chính quyền Bắc Kinh yểm trợ nên sau khi làm việc sáu tháng ông toan tự tử. Ông không chết nhưng phải rời trường. Ông tiếp tục làm cố vấn cho Tổng Thống đến năm 1918, ngoại trừ một thời gian ngắn năm 1916 khi ông gia nhập lực lượng cách mạng miền nam chống lại Viên Thế Khải vì y phản bội nền Cộng hòa.

Năm 1918, ông được mời tham gia một phái đoàn quan sát Âu Châu hậu chiến. Cuộc du hành đó giúp ông quen thuộc với sự phát triển của tư tưởng quân sự phương Tây từ hồi ông đến đây lần trước tới bấy giờ.

Từ 1918 tới 1930, Trung Hoa liên tiếp bị nội chiến. Không đi theo các quân phiệt, Tưởng Bách Lý dành hết thời giờ soạn các luận văn về quân sự. Ông làm việc đó tới giữa thập niên 1920 thì có một số sứ quân mời ông theo họ. Ông nhận chức Tham Mưu Trưởng cho tướng Ngô Bội Phu (Wu Peifu) năm 1925. Nhưng chỉ vài tháng sau ông lại ra đi.

Có vẻ như không khi nào ông thực tâm muốn gia nhập quân của chính phủ Dân Quốc, ngay cả sau khi ông được chính Tưởng Giới Thạch tiếp đón năm 1927. Ông cũng bị Tưởng Giới Thạch bỏ tù hồi 1930 và bị giam mấy năm vì có liên hệ với loạn tướng Đường Sinh Trí (Tang Shengzhi). Trong thời gian tại ngục, ông lại dùng thì giờ để viết. Ông ấn hành tác phẩm "Nghiên cứu Lịch sử các Nguyên tắc Kinh Tế Căn Bản của Vấn đề Quốc Phòng" năm 1934. Có lẽ nhờ cuốn sách này, ông được Tưởng Giới Thạch bổ làm Cố Vấn cho Ủy Ban Quân Sự. Từ đó ông bắt đầu sự nghiệp trong chính quyền Quốc Dân Đảng và dồn hết nỗ lực vào cuộc chiến tranh kháng Nhật.

Sau năm 1936 ông được Tưởng Giới Thạch hai lần cử đi công cán Âu Châu. Một lần đi điều tra về các hệ thống động viên năm 1936, lần khác với mục đích ngoại giao nhằm ngăn chặn sự liên minh mới của Đức, Ý và Nhật năm 1937. Lịch sử đã chứng minh rằng ông không thành công trong sứ mạng này. Tuy nhiên, một lần nữa nắm lấy cơ hội để mở mang kiến thức về quân sự và giúp ông ấn hành nhiều tác phẩm quân sự khác khi ông trở về Trung Hoa.

Năm 1938 là một năm quan trọng cho đời ông. Ngoài những việc khác, ông còn được cử xử lý thường vụ Hiệu Trưởng trường Võ bị, đồng thời vẫn giữ chức cố vấn cao cấp cho Ủy Ban Quân Sự. Ông tận tụy làm việc và du hành nhiều nơi, trong 3 tháng viết 8 luận văn. Tuy nhiên, vì lao tâm lao lực quá độ nên ông gục ngã và chết vì bệnh đau tim ở Nghi Sơn (Yishan), một tỉnh vùng núi non Quảng Tây ở Tây Nam Trung Hoa, khi mới 57 tuổi.

B. Tư Tưởng Quân Sự của Tưởng Bách Lý

Trong cuốn Cuộc Đời Tưởng Bách Lý lúc về già và Tư Tưởng Quân sự (Tưởng Bách Lý đích văn niên cập kỳ quân sự tư tưởng), Giáo sư Tiết Quang Tiền (Xue Guangqian) đã chia sự phát triển tư tưởng của ông ra làm 4 thời kỳ :

- ◆ Thời kỳ thứ nhất gồm giai đoạn ông học về khoa học quân sự, từ 1901 đến 1910. Cũng như nhiều cấp chỉ huy quân sự trẻ cùng thời với ông, ông là một quân sự gia yêu nước, có chí muốn xây dựng một hệ thống quốc phòng mạnh mẽ.

- ◆ Thời kỳ thứ hai từ 1912 đến 1930. Trong thời kỳ này, ông mưu tính dùng cuộc đời vào việc giáo dục quân sự nghĩa là đào tạo các cấp chỉ huy quân sự cho đất nước ông. Ông theo những đòi hỏi của thuở ấy là bãi bỏ chức Tổng Đốc và giải tán quân đội, ông viết bài đưa ra hệ thống dân quân qui mô, cưỡng bách tòng quân và truyền thống Ngụ Binh Ư Nông.

◆ Thời kỳ thứ ba kéo dài từ Sự biến Mãn Châu ngày 18 tháng 9 năm 1931 đến vụ Lư Cầu Kiều (Marco Polo Bridge Incident) ngày 7 tháng 7 năm 1937, là nguyên nhân chính thức khởi đầu Trung - Nhật chiến tranh. Để đáp ứng nhu cầu thời thế, ông dồn nỗ lực vào việc phát triển quan niệm về kinh tế quốc phòng. Dần dần ông đưa ra được nguyên tắc quân sự căn bản dựa trên tương quan giữa hệ thống kinh tế quốc gia và đòi hỏi của chiến tranh.

◆ Thời kỳ sau cùng từ năm 1937 tới khi ông chết năm 1938. Nỗ lực của ông trong giai đoạn này tập trung vào việc kêu gọi nhân dân Trung Hoa tiếp tục chiến đấu. Phương pháp của ông có cả tiên đoán rằng nhất định Trung Hoa sẽ thắng lợi.

Mặc dầu Tưởng Bách Lý đã xuất bản một số sách trong thời kỳ thứ nhất nhưng hầu hết chỉ lập lại những tư tưởng phổ biến hồi đó như chủ nghĩa quân sự quốc gia và chí hướng muốn xây dựng một quân đội mạnh. Ông không đưa ra được một tư tưởng nào độc đáo. Ngay cả nhiều tác phẩm ấn hành trong thời kỳ thứ hai cũng không hoàn toàn là tư tưởng của ông vì một số đề mục quan trọng rõ ràng rút ra từ Kế Hoạch Quân Sự của Sái Ngạc đã bàn tới trước đây trong chương này. Nhiều nguồn tài liệu cho hay là Sái Ngạc đã gửi bản thảo Kế Hoạch Quân Sự cho Tưởng Bách Lý để nhờ phê bình và hiệu đính hồi năm 1913. Tưởng Bách Lý có lẽ cũng thêm một số ý kiến của mình, nhưng nguyên thủy là của Sái Ngạc và vì thế sẽ sai lầm nếu nói rằng các lý thuyết này là công trình của Tưởng Bách Lý.

Rõ ràng là các tác phẩm quan trọng về quân sự, Tưởng Bách Lý ấn hành vào thời kỳ thứ ba của cuộc đời ông. Chẳng hạn như thuyết kinh tế là nền tảng cho quốc phòng ấn hành lần đầu vào giữa thập niên 1930. Thuyết Động Viên trình bày về các vấn đề kinh tế liên quan đến việc động viên trong chiến tranh, được khai triển trong các chuyến du hành quan sát ở Âu Châu năm 1936. Những bàn luận của ông về vai trò kinh tế trong chiến tranh đã được nhiều học giả coi là lý thuyết quốc phòng chứ

không phải tư tưởng quân sự thuần túy. Tuy nhiên nhiều học giả khác như Tiết Quang Tiễn hay Vương Nhiễm Chi (Wang Ranzhi) vẫn cho rằng đó là tư tưởng quân sự. Cắt bỏ các phần này là loại ra một phần bộ rất đáng kể trong tư tưởng quân sự của Tưởng Bách Lý.

a/ Sự Kết Hợp các Phương Tiện Sinh sống và Đòi Hỏi của Chiến Tranh

Trong tác phẩm Sơ Lược về Vấn Đề Quốc Phòng, Tưởng Bách Lý đã viết : "Trong lịch sử thịnh suy của một quốc gia, tôi tìm ra một nguyên lý căn bản. Đó là, khi phương tiện sinh sống và đòi hỏi của chiến tranh ăn khớp với nhau thì đất nước mạnh; nếu không phù hợp với nhau thì yếu; còn nếu trái ngược với nhau thì nguy hiểm hay diệt vong". Cũng nguyên tắc đó ông nhắc lại trong tài liệu "Nghiên cứu Lịch Sử các Nguyên Tắc Căn Bản của Vấn Đề quốc Phòng". Theo ông, sự kết hợp phương tiện sinh sống và đòi hỏi của chiến tranh có thể đạt được bằng hai cách : một là qua các dụng cụ, đồ đạc, còn phương pháp kia là qua hệ thống kinh tế - xã hội. Con ngựa của người Mông Cổ, chiếc thuyền của người Âu Châu là những thí dụ về phương tiện sinh sống cũng lại là khí cụ chiến tranh. Phương pháp động viên tại Tây Phương và hệ thống tỉnh điền (chia đất thành 9 ô theo hình chữ tỉnh) đời nhà Chu là những thí dụ điển hình về phương pháp thứ hai.

Người Mông Cổ đã từng kiến tạo được một đế quốc bằng kỵ binh hùng mạnh của họ, trong đó con ngựa là tối cần thiết. Gần đây hơn, thuyền bè đối với các quốc gia sống bằng nghề biển vốn dĩ là một phương tiện sinh sống nhưng đã được người Âu Châu biến thành vũ khí lợi hại, giúp họ chinh phục thế giới trong gần 2 thế kỷ qua.

Hệ thống động viên phát triển trong Thế Chiến thứ nhất không phải chỉ hoàn toàn là công tác quân sự mà cũng có những ý nghĩa kinh tế. Sau hết, hệ thống xã hội - kinh tế căn bản đời nhà Chu là phép tỉnh điền, cũng lại là đơn vị bố phòng của thời ấy. Hệ thống tỉnh điền có lẽ là hình thức đầu tiên của Ngụ Binh

Ư Nông, huấn luyện và đưa tất cả đàn ông vào danh sách lực lượng trừ bị. Theo Tưởng Bách Lý thì đây cũng được tổ chức để thành một trận thế hình vuông ngăn chặn sự tấn công của kỵ binh và chiến xa địch.

Dựa trên những thí dụ đó, ông kết luận là "để kết hợp phương tiện sinh nhai với đòi hỏi của chiến tranh là tinh túy của kinh tế quốc phòng".

b/ Kinh tế Quốc Phòng

Trong "Hướng Phát Triển mới của Tình Trạng Quân Sự Thế Giới", dựa trên kinh nghiệm Thế Chiến thứ nhất, Tưởng Bách Lý đã đưa ra là sức mạnh kinh tế của một quốc gia chính là khả năng chiến đấu của quốc gia đó, hai bên không thể tách rời. Nếu một quốc gia muốn củng cố sức mạnh thì bắt buộc phải theo đuổi một chính sách kinh tế tự túc.

Sức mạnh kinh tế của một quốc gia gồm 3 yếu tố : nhân lực, tài nguyên và tổ chức. Rất ít nước nào trên thế giới hoàn toàn tự tú được về cả ba lãnh vực. Theo kinh nghiệm của Đức, Tưởng Bách Lý cho rằng để giảm bớt tối đa sự lệ thuộc vào nước ngoài thì một nước phải cố gắng xây dựng kỹ nghệ sản xuất bằng lao công nội địa và bằng tài nguyên mà họ có. Có như thế, quốc gia mới có thể củng cố lực lượng và xây dựng kinh tế quốc phòng.

Để giải quyết tình trạng khiếm khuyết nhân lực, Tưởng Bách Lý cho rằng một quốc gia phải có một hệ thống cưỡng bách tòng quân hữu hiệu. Dùng chính sách đó, một nước có thể sử dụng một ngân sách giới hạn mà vẫn huấn luyện được nhiều tân binh thời bình. Đó chính là hệ thống Đức đã áp dụng trước và trong thế chiến thứ nhất. Sau đó bằng hệ thống tổng động viên, người Đức đã có thể huy động hàng triệu binh sĩ trong nháy mắt trong khi vẫn có một lực lượng hiện dịch làm nông cốt.

c/ Hệ Thống Động Viên

Từ mùa thu năm 1935 đến tháng 11 năm 1936, Tưởng Bách Lý đã du hành qua Ý, Pháp, Đức, Anh và Mỹ để học hỏi về hệ

thống động viên của họ. Khi về lại Trung Hoa, ông đã viết một số tờ trình về các hệ thống đó.

Trong ba yếu tố của sức mạnh quốc gia đã đề cập, Tưởng Bách Lý cho rằng người Tàu rất kém về khả năng tổ chức. Trong tờ trình "Tóm lược về Tổng Động Viên số 2", ông cho rằng một hệ thống động viên có thể giúp Trung Hoa cải tiến khuyết điểm đó. Ông viết :

Qua cuộc du hành điều tra, tôi phải trình lên một vấn đề là xây dựng khả năng tổ chức quốc gia. Hình thức hữu hiệu nhất để thực hiện công tác này là hệ thống tổng động viên ... Phát triển khả năng tổ chức đất nước cũng là công tác xây dựng quốc phòng.

Để hỗ trợ cho quan niệm động viên, ông đưa ra một nguyên tắc quân sự cổ của Trung Hoa : "Có thể không bao giờ dùng tới quân đội trong một trăm năm, nhưng không thể để một ngày không chuẩn bị". Theo Tưởng Bách Lý, chữ bị cũng còn một nghĩa khác là sẵn sàng hay hoàn bị. Theo nghĩa thứ nhất, một quốc gia phải luôn luôn quân đội sẵn sàng để đối phó với mọi tình huống ngõ hầu thủ thắng. Theo nghĩa thứ hai, mọi việc phải thực hiện một cách toàn hảo. Cũng theo ông, mọi việc cũng không giới hạn vào những công tác quân sự. Vì thế, từ ngữ tổng động viên phải được dùng thay chữ động viên quân sự. Tưởng Bách Lý viết :

Động viên quân sự, chủ yếu nhắm vào tổ chức đoàn ngũ, thu hút tài nguyên xã hội để biến thành lực lượng bảo vệ quốc gia. Tổng động viên là nhắm vào toàn thể đất nước, kết hợp mọi thứ trong một quốc gia biến thành lực lượng. Khi một quốc gia có sức mạnh đó thì nó có thể tự vệ và các công dân mới sống còn được.

d/ Chiến Tranh Trường Kỳ và Quyết Định Nhanh Chóng

Những bàn luận trên đây cho thấy rõ ràng là vì nhu cầu tự túc, kinh tế quốc phòng đòi hỏi một chuẩn bị lâu dài, một quốc gia không thể nào đạt tới mục tiêu nếu không có một nỗ lực

thường xuyên và trường kỳ. Vì thế, một quốc gia phải có một chiến lược dài hạn, chuẩn bị toàn bộ từng bước một, từng năm một.

Việc cần phải động viên, trên cả nghĩa quân sự lẫn tổng quát, lại hoàn toàn khác hẳn. Động viên đòi hỏi hành động nhanh chóng để đáp ứng nhu cầu chiến tranh. Dựa trên dữ kiện đó, sau chuyến công du Âu Châu năm 1936, Tưởng Bách Lý kết luận rằng trong tình trạng chiến tranh tổng quát (toàn thể tính chiến tranh - Quantixing Zhanzheng), vấn đề quốc phòng phải sắp xếp sao cho được hữu hiệu. Việc này đòi hỏi chuẩn bị lâu dài. Tuy nhiên, khi nói về thực hiện thì lại cần phải tấn kích nhanh chóng. Trường kỳ là nói về chiến lược chính trị hay đại chiến lược, nhanh chóng là nói về chiến lược quân sự. Tưởng Bách Lý viết :

Từ quan điểm chiến lược, một quốc gia phải tấn kích nhanh chóng chứ không thể diên trì để tránh gánh nặng cho kinh tế quốc gia. Nhanh chóng ở giai đoạn cuối trong khi kéo dài ở giai đoạn tập trung phương tiện.

Để có thể đạt tới mục tiêu tấn kích nhanh chóng trong chiến dịch, Tưởng Bách Lý nhấn mạnh vào quan điểm chiến tranh lưu động, trong đó phải khởi động tấn công chứ không phải đóng quân tại những vị trí cố định. Quan niệm của ông về chiến tranh lưu động đương nhiên đòi hỏi gia tăng động tính của quân đội. Ông viết :

Mặc dầu theo đuổi chiến tranh diên trì, nhưng những đòi hỏi tiên khởi là gia tăng lưu động tính của lực lượng vì chúng ta phải đạt mục tiêu trường kỳ bằng cách tấn kích chớp nhoáng.

So sánh chiến tranh trường kỳ của Tưởng Bách Lý với chiến lược di chuyển chậm, tấn công nhanh của Tả Tông Đường có thể làm cho hình ảnh rõ ràng hơn. Chiến tranh diên trì của Tưởng nói về chính sách quốc gia hay đại chiến lược chứ không phải chiến lược quân sự. Tưởng Bách Lý bàn về chuẩn bị xã hội - kinh tế trước khi xảy ra chiến tranh, Tả Tông Đường bàn về di

chuyển quân sĩ trong khu vực chiến trường và chỉ đề cập đến chiến lược quân sự.

Nói về tấn kích nhanh, Tả Tông Đường nói về hành quân đơn thuần hay chiến dịch và chỉ ở mức độ chiến thuật trong khi Tưởng Bách Lý nói đến mọi hành động quân sự, trên cả chiến lược lẫn chiến thuật.

Trong cuộc Trung Nhật chiến tranh, người Trung Hoa thường nói đến cuộc đấu tranh của họ là Trường Kỳ Kháng Chiến, có thể là nói cả về đại chiến lược lẫn chiến thuật quân sự.

Sau cùng, chiến tranh lưu động theo Tưởng Bách Lý tùy thuộc vào trang bị tân tiến như chiến xa, xe vận tải, đại pháo để gia tăng hoạt tính của quân đội. Vì thế, chiến lược này khác với chiến lược nổi tiếng của Giải Phóng Quân trong chiến tranh Trung Nhật và nội chiến nhấn mạnh vào việc dụ địch ra khỏi vị trí để tấn công khi họ đang di chuyển.

e/ Tân Chiến Tranh Du Kích

Từ khi chiến tranh du kích được dùng trong cuộc Nội Chiến ở Nga, nó đã trở thành một chiến lược phổ thông dùng trong trường hợp một lực lượng yếu phải chống một lực lượng mạnh hơn. Sai khi đọc một tác phẩm viết về chiến tranh du kích của Thiếu Tá Heinz, người Đức, Tưởng Bách Lý giới thiệu vào Trung Hoa trước thời chiến tranh Trung Nhật.

Theo Heinz, có hai loại chiến tranh du kích. Ông phân biệt loại cổ điển dùng trong Nội Chiến Nga nhấn mạnh vào tấn công bằng một lực lượng du kích tương đối lớn vào quân thù trong các khu vực bị chiếm đóng để gây ra bất ổn chính trị. Chiến thuật đó thường gây ra thiệt hại nhân mạng nặng nề khi quân thù cần quét dân địa phương. Vì thế, Heinz đưa ra một loại chiến lược du kích mới, trong đó các lực lượng du kích chia thành toán nhỏ - khoảng 6 người - trang bị bằng bom nổ chậm, bom lửa, thuốc độc, vũ khí hóa học và súng hầm thanh. Các toán đặc công này chủ yếu phá hoại các trung tâm tiếp liệu của địch hơn là giết người. Theo Heinz thì loại cũ chỉ gây thiệt hại cho một quân thù

yếu và tổ chức không chặt chẽ, trái lại nếu kẻ thù mạnh và có tổ chức thì kiểu cũ không thành công nhiều.

Tướng Bách Lý đã đồng ý với quan điểm đó. Tuy nhiên ông cho rằng chiến tranh du kích kiểu cũ vẫn còn hữu hiệu trong một số trường hợp như hoàn cảnh của Trung Hoa chẳng hạn. Ông viết :

Tình trạng hệ thống giao thông yếu kém của Bắc Trung Hoa có thể áp dụng chiến tranh du kích kiểu cũ của Nga. Chiến tranh du kích kiểu mới áp dụng vào Nam Trung Hoa và vùng duyên hải.

Trong chiến tranh du kích hiện đại, người ta không phân biệt kiểu cũ hay kiểu mới. Cả hai quan niệm được kết hợp thành du kích tân thời.

f/ Không Quân

Quan điểm chính của Tướng Bách Lý bàn về vai trò của không quân trong chiến tranh hiện đại được trình bày trong một bài dài nhan đề "Nền Tảng Sức Mạnh của Không Quân".

Mặc dầu không quân xuất hiện trong thế chiến thứ nhất nhưng vai trò của nó vẫn còn là một đề tài mới mẻ đối với hầu hết các chiến lược gia trong những năm sau chiến tranh. Vai trò trong chiến tranh tương lai, vị trí trong hệ thống quân sự, tổ chức và điều hành là những đề mục nhiều người bàn đến. Giulio Douhet ấn hành tác phẩm "Ra lệnh trên không" năm 1922 nhưng mãi 10 năm sau người ta mới coi đó là một lý thuyết có ảnh hưởng tối quan trọng trong vấn đề không lực. Cũng như các cấp chỉ huy quân sự Âu Châu, Tướng Bách Lý dần dần cũng theo thuyết này. Khi ông đi du hành Âu Châu trở về, ông giới thiệu bản dịch tiếng Hoa cuốn Đại Cương về Thuyết của Douhet do Thống Chế Badon người Pháp viết. Trong tác phẩm đó, Badon hết sức tán dương cuốn Ra Lệnh Trên Không coi như một lý thuyết cách mạng về quân sự có ảnh hưởng tuyệt đối đến chiến tranh trong tương lai.

Như đã bàn đến, Tưởng Bách Lý quan tâm đặc biệt đến cơ sở kinh tế trong quốc phòng. Ông cũng đặt vấn đề đó với không quân. Khi bàn về không quân, ông nhấn mạnh không hững về tài nguyên, khả năng kỹ nghệ và kỹ thuật cao cần thiết cho việc phát triển một không lực hiện đại mạnh mẽ mà còn bàn cả ảnh hưởng của tốc độ nhanh, tầm hoạt động xa và khả năng phá hủy to lớn của phi cơ trên mặt kinh tế đối với các quốc gia tham chiến. Thành ra, các nước kém mở mang sẽ phải trăn mình chịu đựng các cuộc không kích của kẻ thù. Tuy nhiên, những tổn thất của các quốc gia nghèo đói sẽ không nhiều như những quốc gia kỹ nghệ.

Khi nói về tình trạng Trung Hoa, ông đưa ra hai đề nghị về tổ chức không quân, cả hai đều tương ứng với thuyết của Douhet.

Thứ nhất, không quân phải độc lập với hải quân và bộ binh và có thể hoàn thành trách nhiệm một cách độc lập dưới quyền chỉ huy của các tướng lãnh không quân. Các cấp chỉ huy không quân được phép ra lệnh cho lực lượng phòng không và các đơn vị truyền tin để có thể hợp tác chặt chẽ ngõ hầu đáp ứng được nhu cầu phòng thủ không phận.

Theo Tưởng Bách Lý, vai trò quan trọng của không quân là yểm trợ bộ binh và hải quân trong tác chiến nhưng không quân vẫn có thể hành quân độc lập. Vai trò đó càng ngày càng quan trọng và ưu tiên hơn các nhiệm vụ khác vào thập niên 1930. Vì sự phát triển đó, Tưởng Bách Lý thích tổ chức không quân theo cách thức nào có thể thi hành vai trò tấn công hiệu quả nhất.

Không quân Trung Hoa hồi thập niên 1930 còn rất nhỏ và không có máy bay oanh tạc. Mặc dù trên hình thức tổ chức độc lập, nhiệm vụ chính yếu của nó là phòng không và yểm trợ các lực lượng trên bộ. Vì thế họ không thể hoạt động riêng rẽ. Không quân chỉ đảm trách một số vai trò trong chiến dịch. Đề nghị của Tưởng Bách Lý chưa được thi hành ngay trong giai đoạn này.

Tướng Bách Lý cũng bàn về một số đề tài quân sự như hệ thống cường bách nhập ngũ và giải giới. Cường bách tông quân sao chép lại của Sái Ngạc trong Kế Hoạch quân sự rất nhiều và đã bàn trong phần 3. Về việc giải giới, Tướng Bách Lý đóng góp nhiều hơn những người cận đại vì ông chú trọng đặc biệt đến tiến trình giải ngũ và sự cần thiết của việc sắp xếp đời sống và việc làm cho những quân nhân phục viên. Tiếc thay, giai đoạn đó tình trạng kinh tế - xã hội của Trung Hoa quá yếu kém nên những gì ông đưa ra không thi hành được. Tuy nhiên, nếu các nhà lãnh đạo quan tâm đến những đề nghị của ông thì nhiều vấn đề có thể tránh được khi chiến tranh Trung Nhật chấm dứt vào năm 1945. Dầu sao những gì ông viết về đề tài này cũng có ảnh hưởng. Sau khi nội chiến chấm dứt năm 1949, cả Trung Cộng lẫn Đài Loan đều đưa ra những chính sách giải ngũ quân đội dựa trên những nguyên tắc tương tự như ông đề ra.

Mặc dầu người ta vẫn công nhận Tướng Bách Lý là một bộ óc quân sự lỗi lạc nhưng những thành quả của ông cũng chỉ giới hạn trong việc giới thiệu các quan điểm mới. Tướng Bách Lý không giống các lãnh tụ quân sự thời đại ông. Ông là người học cao am tường cả văn hóa Đông phương lẫn Tây phương. Với tài năng xuất chúng, phẩm chất học giả và nhất là có cơ hội đi quan sát nghiên cứu tại ngoại quốc, ông đã đưa ra sự so sánh và phân tích trong những tác phẩm của ông. Ông đã trình bày rõ ràng tình hình thực tế, khuynh hướng phát triển và căn bản lý luận trong những đề tài ông bàn đến. Ngoài ra, Tướng Bách Lý cũng không chỉ sao chép lại các hệ thống của nước ngoài, ông cố gắng áp dụng vào hiện trạng của Trung Hoa. Điều đó khiến người ta có cảm tưởng rằng ông đã đạt tới được một bước ngoặt thoát ra khỏi một thời kỳ dài (bắt đầu thập niên 1850) Trung Hoa chỉ sao chép các ý tưởng của ngoại quốc.

Đúng ra Tướng Bách Lý có thể đóng góp được nhiều hơn trong tư tưởng quân sự hiện đại. Ông tin rằng ông có khả năng trở thành vĩ đại nhưng ông không làm được vì ông không để lại một công trình có hệ thống như nhiều người tin rằng ông có thể làm được. Thất bại đó phần nào cũng vì ông chết sớm. Một lý do

khác nữa là ông không tập trung vào một số đề tài chọn lọc. Ông đã chia thời giờ và năng lực giới hạn của ông cho nhiều vấn đề không cần thiết. Như Tiến Sĩ Vương Nhiễm Chi, tác giả của Tướng Tưởng Bách Lý và Tư tưởng quân sự (Tướng Bách Lý tướng quân dữ quân sự tư tưởng) đã viết, nếu chỉ tập trung vào một đề tài thì thành tựu của ông ắt đã hơn nhiều.

6. KẾT LUẬN

Kể từ cách mạng Tân Hợi đến khi Tưởng Bách Lý từ trần, Trung Hoa đã trải qua tình trạng chiến tranh liên miên không dứt giữa các sứ quân, tái thống nhất trong thời kỳ đầu của chiến tranh giải phóng, rồi Trung - Nhật chiến tranh. Trong thời kỳ rối loạn đó, một thế hệ trẻ sáng sủa hơn đã dần dần thay thế thành phần già nua thủ cựu, tàn tích của Thanh triều. Mặc dầu nội chiến liên tục khiến cho cuộc hiện đại hóa quân sự phải trì hoãn và có khi thụt lùi nhưng thời kỳ này vẫn để lại những ảnh hưởng tích cực trong công cuộc canh tân của Trung Hoa. Việc hình thành một tư tưởng quân sự mới nảy sinh ra từ thời này. Những người tiên phong hầu hết là thế hệ trẻ, hoặc được học các trường ngoại quốc hoặc do Cách Mạng đào tạo. Họ không những chống lại đám quân phiệt thối nát mà còn đưa ra những quan niệm mới, chẳng hạn như cưỡng bách tòng quân hay quân sự hóa là những tư tưởng du nhập từ Tây phương. Tuy nhiên, những biến cố đáng kể nhất của thời này trong lãnh vực tư tưởng quân sự hiện đại là sự hình thành các lực lượng cách mạng và chính trị hóa quân đội. Thay đổi này do Bác Sĩ Tôn Dật Tiên đề xướng nhưng về sau được cả Quốc Dân Đảng lẫn Cộng Sản áp dụng trên qui mô lớn. Thay đổi đó làn hững phản ứng căn bản của cách mạng chống lại các lực lượng tham ô quân phiệt.

Ngoài ra, các chương trình phát triển kỹ nghệ của Bác Sĩ Tôn Dật Tiên và lý thuyết của tướng Tưởng Bách Lý về động viên và kinh tế quốc phòng đều nối kết giữa phát triển kinh tế với chiến lược quốc phòng. Dẫu rằng các tư tưởng đó không được thực hiện khi họ còn sống nhưng ảnh hưởng của họ trên hệ thống quân sự mới không phải nhỏ. Những năm hậu chiến, cả

Hoa lục lần Đài Loan đều nỗ lực để hoàn thành những chương trình mà Tôn Dật Tiên và Tưởng Bách Lý đưa ra.